

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

THÍCH GIA CHƠN GIẢI

Cao Minh Thiện Sư
Ghe TỪ HÀNG TẾ CHÚNG

Đậu Tại CHỢ BÌNH ĐÔNG

Xuất Bản - 1921

TỪ HÀNG TẾ CHÚNG

Đánh máy lại: **Hồng Lan**
Trình bày: **Hồng Lan & Tấn Hưng**
Xếp chữ: **H&L TypeSetter**
Đóng tập: **H&L eBooker**
Làm tại: **Chicago - U.S.A.**

Copyright © 2009 — Cao Minh Thiên Sư

THÍCH GIA CHƠN GIẢI

Cao Minh Thiên Sư
Ghe **TỪ HÀNG TẾ CHÚNG**
Đậu Tại **CHỢ BÌNH ĐÔNG**

Xuất Bản - 1921
TỪ HÀNG TẾ CHÚNG

THÍCH GIA CHỜN GIẢI CAO MINH THIÊN SƯ

Đây nói về nhà Đường Võ Đức, năm thứ ba, tháng chín có nhà họ Lư làm chức Tả Quân, xin từ chức về quê; vua liền cho, vợ chồng mừng rỡ cùng nhau trở lại quê xưa. Ông bà là người nhơn đức, không con kế hậu, ngày ngày cầu khẩn ăn chay.

Đêm nọ bà Lý Thị nằm chiêm bao thấy trước sân sen trắng trở bông, bạch hạc đua bay. Bà giật mình thức dậy mới biết mình đã thọ thai. Vợ chồng vui mừng chẳng xiết. Bà thọ thai đến sáu năm; đêm nọ bà đương than thở một mình, xảy thấy hào quang trên không bay xuống sáng trời, mùi hương thơm phức. Lúc ấy bà lâm bồn, nhằm đời Đường Trinh Quán, năm thứ mười hai: ngày mùng tám giờ tỵ.

Sáng ngày có hai ông thầy sãi đến viếng và nói rằng: "Tôi mừng cho ông bà sanh đặng quý tử, không biết đã đặt tên hay chưa?"

Lư Thị nghe hỏi vào bông đũa nhỏ ra ngoài, hai ông sãi xin đặt tên như vậy:

Thượng-Huệ Hạ-Năng

Họ Lư lại hỏi: Thượng-Huệ Hạ-Năng nghĩa là gì?

Ông Sãi liền trả lời... "*Huệ* giả: *vi pháp huệ nhi tế chúng sanh*; *Năng* giả: *năng tác Phật sự*." Nói rồi hai ông tàng hình đi mất.

Đây nhắc lại khi mới sanh Huệ Năng thì khác hơn con người phàm tục. Lúc sanh ra thì Ngài không khóc, không bú, khi mới lên ba tuổi thì cha đã ly trần,

chỉ còn mẹ. Đến lớn lên hằng ngày hái củi đổi gạo nuôi mẹ. Huệ Năng là con rất có chí hiếu ở vậy nuôi mẹ đặng hai mươi bốn tuổi. Ngày kia vào rừng hái củi, gánh trở về dọc đàng có người khách đón mua, biểu Huệ Năng gánh ngay đến nhà. Huệ Năng cùng y lời gánh củi theo người khách; đến nhà người liền trả tiền. Huệ Năng trở về dọc đàng lại nghe có người tụng kinh Kim-Cang, nhằm lúc Đức Thế-Tôn thuyết pháp. Huệ Năng nghe rồi liền tỉnh ngộ mới than rằng: "Ôi! Cái kiếp phù sanh ta đây không khác chi là *Tan du mộ ảnh* buộc phải ở mà chen lẩn, làm cho có tiền đặng nuôi cái thân tứ đại này; nếu xét kỹ thì cái thân tứ đại này nó là giả, không bền chắc, không phải đồ thiệt. Vậy thời công danh phú quý trước mắt ta đây cũng không thể nào chắc đặng; xét như vậy, dầu ta làm cho có tiền muôn đi nữa chẳng phải ta hưởng đặng đời đời: coi giang san kia còn phải dời, biển dâu còn phải biến, cuộc trăm năm như giấc chiêm bao, chi bằng tu hành lánh tục thì hơn."

Nói như vậy, rồi lại tưởng rằng: "Mình đây muốn đi tu, mà phải tu cách nào? Hễ tu thì phải tầm sư học đạo, chùng học đạo rồi, phải ẩn nơi non cao núi thẳm ta tu hành thì biết có đặng thành Phật hay không? Còn bốn phận mình đây, việc thế sự chưa rảnh, vì còn mẫu thân ta không ai nuôi dưỡng, đi tu làm sao đặng! Sách có câu *Hiếu tâm tức Phật tâm; hiếu hạnh tức Phật hạnh*." Chỗ đó là Phật, chẳng phải đi tu đó là thành Phật đâu. Huệ Năng nghe lời Phật nói trong kinh một mình suy nghĩ như vậy, rồi trở vào rừng đốn củi và ngâm bài kệ như vậy:

Xách búa đến rừng xanh,

*Đẹp lân chữ lợi danh,
Lo tròn câu hiếu đạo.
Bồi đáp nghĩa thân sanh,
Há tham bề phú quôi,
Chen lán với đua tranh,
Thành thời nường bóng mát,
Kết bạn với chim anh.*

Huệ Năng kệ rồi xách búa đốn củi.

Đây nói về Nhị-Tổ là Huệ-Khả đương ở trên mây thấy Huệ-Năng than thở, liền bay xuống trước mặt ngâm bài kệ như vầy:

*Nước trí non nhờn rất phủ mà,
Huỳnh Đình thường tụng lại ngâm nga,
Bốn biển năm hồ đi một khắc,
Ba ngàn thế giới đuổi chơn qua.*

Ngài kệ rồi xâm xâm đi tới. Huệ Năng qui xuống lạy và hỏi: "Chẳng biết ngài ở đâu đến đây mà kệ như vậy?"

Nhị Tổ nói: "Ta là tiều phu ở núi này, nghe nhà người than thở đến đây giúp cho người mười quan tiền đem về nuôi mẹ. Như người muốn tu, phải qua quận Huỳnh Mai, chùa Đông Thiên Tự có một vị đại Thiên Sư là Hoàng Nhẫn người đang dạy đạo, người qua đó mà học."

Ta ban cho người bài kệ như vầy:

*Chỉ nẻo cho người khéo lạc đường,
Hồi đầu dựng thấy chốn quê hương,
Biển thăm minh mộng xa vôi vọi,
Lên thuyền sẽ đến chốn Tây Phương.*

Ngài kệ rồi cỡi mây bay mất. Huệ Năng thấy vậy lạy mà khen rằng: "Thiệt hay quá, như vậy mới là

thần tiên, quý báu biết chừng nào!"

Nói rồi gánh củi trở về nhà vào thưa cho mẹ hay và nhắc việc gặp ông tiều cho tiền và biểu con đi tu.

Bà Lý Thị vui lòng, Huệ Năng cũng mừng rỡ, lạy mẹ và sửa soạn đồ hành lý lên đường.

Đi không bao lâu đến chùa Đông Thiên Tự, vào ra mắt Ngũ Tổ nhằm lúc ngài đương thuyết pháp. Khi ngài thấy Huệ Năng hình dung khác tục, cốt cách hiền lương, tai lớn mũi cao, trán tròn. (Ấy là Phật giáng sanh).

Ngũ Tổ liền bảo Huệ Năng ra nhà sau nghỉ. Rồi ngài bãi từ chúng lui về. Qua đến canh ba, Ngũ Tổ đòi Huệ Năng đến mà dạy đạo và truyền Y-Bát lại dặn rằng: "Người phải đi không đặng ở chùa này, nếu Thần Tú hay đặng ta đã truyền pháp bửu cho nhà người, thì người phải bị hại."

Huệ Năng nghe Ngũ Tổ nói lạy và thưa rằng: "Bây giờ con chẳng biết đi đâu, xin Tôn Sư dạy bảo."

Ngũ Tổ nói: "Con cứ việc đi qua phía Nam chùng nào gặp Ấp Hoài thì ở, gặp Ấp Hội thì khá lánh thân, không hề chi phòng sợ."

Nói rồi Ngũ Tổ đưa Huệ Năng đến mé sông Cửu Giang, Huệ Năng xuống thuyền chèo đi.

Đi đặng ít ngày thì Thần Tú hay việc Ngũ Tổ truyền Y-Bát cho Huệ Năng. Lúc ấy Huệ Năng đi đã đặng mấy ngày rồi. Thần Tú cả giận hỏi có ai dám theo bắt Huệ Năng không? Nói chưa dứt lời, có tên Trần Huệ Minh và bốn trăm tăng nhờn xin lãnh mạng theo bắt. Bốn trăm tăng nhờn theo gặp Huệ Năng đã bốn phen mà không làm chi đặng.

Bây giờ Huệ Năng đi đến Tào Khê, gặp một đám ác tăng đón bắt đặng giết. Lúc đương nguy cấp, Huệ Năng vừa chạy vừa than, may gặp bọn thợ săn, Huệ Năng bèn ẩn vào ở chung với bọn đó thì ngài được yên tâm không còn lo ngại nữa. Chỉ ngày ngày ở đó tu hành.

Huệ Năng tuy ở với người hung dữ như vậy mà gìn lòng không nhiễm, hằng ngày bọn thợ săn bắt được cầm thú đem về con nào chết thì thôi, còn con nào sống Huệ Năng lén thả.

Từ ngày Huệ Năng đặng pháp bửu thầy truyền rồi, lánh mặt giả thầy đi tu đã mười lăm năm, nay đạo được thành nên nhơn dịp mà thuyết pháp bọn thợ săn nghe. Bọn thợ săn hỏi: "Vì cớ nào người ở đây đã lâu, làm sao không thấy người ăn cá ăn thịt chi hết?" Huệ Năng trả lời: "Này chư vị tôi đây cũng như chư vị vậy, nhưng tôi là người hồi tâm tu hành, thấy chư vị săn bắn cầm thú mà ăn, thật tôi đau lòng không nỡ ăn, mà cũng không nỡ giết, vì loài người cùng loài vật cũng đồng tham sanh hỷ tử. Nếu mình bắt nó mà ăn thịt, nó cũng tha nha thiết xỉ và đau đớn vậy; còn như mình đây nếu ai có đến bắt mình mà làm những hình trạng như vậy thì mình có đau đớn không?"

Không riêng hạng nhơn vật, đến loài sảng cỏ còn biết đau đớn thay! Tôi đây vì thương người và vật, nên không đành làm lợi cho mình mà hại vật.

Người đã sanh trong cõi nhơn đồ này, tạo hóa đã cho loài người đứng đầu muôn vật thì người phải thương và săn sóc cho muôn vật được tấn hóa ngày ngày cho mau sáng suốt, trở nên một cảnh vô

sanh; như vậy mới phải, có đâu ta đã đứng đầu muôn vật rồi mình lại bắt nó mà ăn thế là mạnh hiếp yếu, khôn hiếp dại, làm vậy thì tại địa ngục, luân hồi, biết chừng nào cho hết.

Huệ Năng giảng một hồi bọn thợ săn liền tỉnh ngộ cùng nhau theo Huệ Năng mà đi tu hành không màng nghề săn nữa.

Bây giờ Huệ Năng đắc đạo, lục thông đã hiện, mới tính trở về đặng phổ hóa chúng sanh. Trong kinh thơ có câu: "*Thời tiết chí như ngư đắc thủy*" nghĩa là: Ngày giờ đến như cá kia gặp nước, còn lo chi không đặng tự toại tiêu diêu.

Lúc này Huệ Năng dắt bọn thợ săn đi thuyết pháp và dạy đạo, ngài có ngâm bài kệ như vầy:

*Động đá bấy lâu dốc ẩn mình,
Cội tùng nương dựa tụng Huỳnh Đình,
Muốn luyện kim đơn cùng xá lợi,
Xây lò từ phủ nấu ngươn tinh.*

Từ đây Huệ Năng đi dạy đạo châu lưu các nước.

Còn việc Ngũ Tổ dạy Huệ Năng, Thần Tú trong các đơn kinh có nói, đây không nhắc lại làm chi cho choán giấy.

Nói về Huệ Năng đi dạy đạo các nước, ngài làm đến chức Luật Sư, người gọi là Lục Tổ. Bây giờ Ngài từ giả tứ chúng trở về chùa Bửu Lâm Tự.

Ngày kia Lục Tổ đương thuyết pháp cho tứ chúng nghe, có tên tăng Pháp Đạt, là người ở đất Hồng Châu, mới nên bảy tuổi đã xuất gia tu hành. Thường nghe đồn chùa Bửu Lâm có Lục Tổ dạy đạo, nên đến ra mắt Lục Tổ đánh lễ, mà đầu chẳng tới đất.

Lục Tổ hỏi: "Người làm lễ ta sao đầu chẳng tới đất là nghĩa gì?"

Pháp Đạt trả lời: "Từ ngày tôi xuất gia đến nay, tôi tụng kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn bộ, công đức rất nhiều, lễ nào tôi phải lạy Ngài sát đất."

Lục Tổ nói: "Thiệt dốt quá, nếu mà người tụng một muôn ngàn bộ kinh Pháp Hoa đi nữa, bất quá (Đắc kỳ Kinh Ý) tụng cho biết ý kinh mà chơi, (bất dĩ vi thắng) chớ có chi là hay, nào có công đức gì! Nay Pháp Đạt người tu mà không biết chữ tụng là gì, chữ đọc là gì? Để ta giải nghĩa cho người nghe: *Tụng giả* là *Học giả*, chữ tụng nghĩa là học vậy; *Độc giả* là *Học giả*, chữ đọc nghĩa là học vậy làm sao mà kêu khác nhau, người biết không? Vì *Đời* là *Đạo*, phả kêu khác nhau như vậy, chớ cũng có một nghĩa mà thôi. Nay người nghe không: *Sách* là gì? Là giấy mực viết ra kêu bằng *Sách*, ấy là ngoài con đường *Đời*. Còn *Kinh* là gì? *Kinh* cũng giấy mực viết ra kêu bằng *Kinh*, ấy là trên con đường *Đạo*, người biết chưa? Đó là *Đời* và *Đạo* phải gọi *Kinh*, *Sách* hai tiếng khác nhau, nhưng có một mà thôi. Như sách thì để chép những lời của Thánh, Hiền; còn *Kinh* thì biên những lời nói của Tiên, Phật để lưu truyền qua đời sau cho người ta đọc và tụng đặng biết ý ông Thánh ông Hiền, ông Tiên ông Phật đó mà thôi. Trong kinh có câu *Tụng kinh giả minh Phật chỉ lý, hà năng tác Phật tại* nghĩa là: Tụng kinh cầu cho sáng lý của nhà Phật, làm chi thành Phật đặng! *Độc thơ giả minh Thánh Hiền chi từ, như hà tác Thánh Hiền tại* nghĩa là: Đọc sách đặng biết lời ông Thánh, ông Hiền, chớ bao giờ làm đặng ông Thánh, ông Hiền sao? Đó... có một chút vậy mà không biết, cứ để

tưởng chắc mình tụng kinh mà thành Phật! Nay Pháp Đạt, người nói tụng kinh thành Phật ta cũng chịu cho người là phải, còn kẻ đọc sách có thành Thánh không? Nếu đọc sách không thành Thánh thì tụng kinh cũng không thành Phật đặng, như vậy mới là công bình cho, vậy người không nghe trong kinh nói hay sao? *Khẩu tụng thiên ngôn bất hành hà ích?* nghĩa là: Dẫu có tụng một ngàn lời ngoài miệng, mà cái tâm không hành con đường đạo chánh, thì không có ích gì!"

Người hãy nghe bài kệ đây:

Pháp Đạt khá nghe lão kệ mà,

Sách kinh viết mực tả truyền ra:

Nếu muốn đi tu thành chánh giác,

Bỏ chuông cùng mõ với ngâm nga.

Pháp Đạt nghe rồi lại hỏi: "Bạch Tôn Sư, xin Tôn Sư mở lòng từ bi giải nghĩa kinh Pháp Hoa cho con học; con tuy tụng đã đặng bảy năm, song có nhiều chỗ con chưa hiểu nghĩa."

Lục Tổ lại nói: Tụng mà không biết nghĩa lý trong kinh là gì, hèn chi mới chắc mình thành Phật, chẳng ngờ trong kinh là chép những lời nói của mấy vị Bồ Tát hỏi Đức Như Lai, rồi Đức Như Lai trả lời và thuyết pháp cho mấy vị Bồ Tát nghe. Bây giờ mắc mớ gì mình phải nhắc lại, nếu nhắc lại không ích gì? Pháp Đạt hãy nghe đây, sách có câu: *Tạo chúc cầu minh, đọc thơ cầu lý* nghĩa là làm đuốc phải cầu cho sáng, còn đọc sách phải cầu cho biết nghĩa lý, bằng đọc sách mà không biết nghĩa lý, không khác chi người điếc đâu đặng nghe trời gầm? Cầm đuốc mà không cầu sáng, không khác chi người điếc đi đêm cần gì là đuốc. Pháp

Đạt, người tụng kinh Pháp Hoa không nghe nói câu *Thử kinh nguồn lai dĩ nhưn duyên xuất thế vi tôn* nghĩa là: Xưa nay kinh Pháp Hoa nói, hễ người mà xuất gia rồi, đều có nhưn duyên với Phật, mới đặng như vậy. Vì sao có nhưn duyên mà không đặng thành Phật người biết không? Cũng tại thế nhưn, *ngoại mê trừ tướng, nội mê trừ không* bởi vì người đời ngoài thì chấp mê các tướng (nào sắc tướng thính âm, vẽ vời thêm bớt); trong thì chấp mê những cái không, vậy nên phải làm chúng sanh đời đời kiếp kiếp; nếu biết *ly tướng* là lìa tướng pháp, *ly không* là lìa cái không thì trong ngoài đều không chấp mê, làm chi không thành Phật đặng. Nên có câu *nhược ngộ thử, pháp nhưt niệm tâm khai*, nếu trong ngoài không chấp mê, lìa đặng các tướng rồi, và biết đặng cái phép của ta đây, thời một lần niệm, con đường đạo tâm đã mở không cần chi là tụng kinh. Lại cái câu *tam thiên thất bửu tuy đa, dụng tận hườn qui sanh diệt* nghĩa là: ba ngàn bảy trăm món báu tuy là nhiều, dùng hoài có ngày phải hết, *tứ cú kinh vẫn tuy thiếu, ngộ chi phương chứng Bồ Đề*, bốn câu tứ cú kệ tuy là ít, mà biết đặng thì chứng quả Bồ Đề; hơi đâu mà tụng kinh, tụng cho khô cổ mà không biết nghĩa, dầu có tụng muôn năm cũng không ích gì, thôi hã nghe bài kệ này:

*Tâm địa hôm mê chuyển Pháp Hoa,
Tụng mà chẳng sáng ấy thù nhà;
Không niệm nữa câu gọi là chánh,
Có niệm một tiếng ấy cũng tà.*

Lục Tổ kệ rồi lại nói thêm: "Đó... trong kinh Pháp Hoa nói *Khử niệm vi tiên*. Bỏ niệm trước hết, niệm mà còn biểu bỏ phương chi là tụng."

Pháp Đạt nghe đến đây phát đại ngộ, quì lạy Lục Tổ khóc mà nói rằng: "Đệ tử là Pháp Đạt, từ ngày xuất gia tu hành đến nay, chưa từng chuyển kinh Pháp Hoa, bây giờ bị kinh Pháp Hoa chuyển; nay đệ tử xin Tôn Sư mở lòng từ bi dạy bảo và xin Tôn Sư giải nghĩa chỗ này. Trong kinh Pháp Hoa nói: *Tam xa giả, dương lộc chi xa, dữ bạch ngư chi xa như hà xu biệt*, chỗ nào bạch ngư, xe nào dương, xe nào lộc, xin Tôn Sư chỉ bảo?"

Lục Tổ nói: *Kinh ý phân minh như tự chấp mê* nghĩa là Lời nói trong kinh Pháp Hoa rành rẽ, mà người bo bo những sự chấp mê, ấy là cái bịnh cố chấp bất thông của người đó. Người không nghe lời cổ nhưn nói: *Độc thơ giả, biện thánh ngôn chi từ, bất khả cố chấp, kha dĩ kinh huyền nhi tụng chi*, nghĩa là: Người đọc sách phải phân biện những lời nói của ông Thánh ông Hiền, chẳng khá cố chấp, hễ biết chỗ nào dùng kinh, thời dùng kinh, phải chỗ nào dùng huyền, thời dùng huyền. Cái này mới biết ba chữ vừa đọc sách được, thời lại cố chấp. Nay Pháp Đạt, trong kinh Pháp Hoa có nói: *Tam thừa chi nhưn bất năng trác Phật trí*, nghĩa là: "Ba bậc chơn người há lường đặng ý Phật hay sao?" Người phải biết lời Phật nói: *Cao nhi hựu huyền, đề nhi hựu diệu, phạm phu khởi năng thức tai*, nghĩa là: Lời nói của ông Phật; bậc cao thì có huyền bí, có màu nhiệm, bậc thấp thì nghĩa lý u thâm, còn bậc phạm tục há nghe đặng hay sao? Như Phật là người đứng vào bậc tối thượng nhưt thừa, lời nói u thâm không tột, khó mà lường được, phạm người tu hành đừng có tưởng tụng kinh đọc sách nhiều, mà được thành Tiên thành Phật đâu. Trong Quan Âm

Chơn Giải có câu: *Tự cổ chứng Phật thành chơn bất tại ư mạo tướng, chỉ trọng đức hạnh, bất trọng tài học, chỉ trọng tâm chí, bất tại thế lợi*, nghĩa là: Từ xưa đến nay những người chứng Phật thành chơn, chẳng phải đợi có sắc tốt, tướng tốt, hay là lịch sự mà đặng thành Phật, chĩnh dùng cái tâm chí; lại chẳng phải nơi tài học mà thành, chĩnh dùng người có đức hạnh mà thôi. Những ông nào được thành Phật là người đó có đức hạnh đầy đủ hoàn toàn chẳng phải dùng thế lợi và tụng niệm mà thành Phật đâu. Tưởng như vậy một ngàn muôn năm cũng không ích gì. Trong kinh Pháp Hoa có nói: *Khẩu niệm bất tại tâm hành, tâm hành bất tại khẩu niệm*, nghĩa là: Người tu hành phải có tâm chí đức hạnh cho nhiều và cái tâm phải hành cho nhằm đường đạo chánh thì mới thành Phật; không hay vì cái miệng nói, cái miệng tụng. Lời nói và việc tụng kinh thì ai làm lại không được, nó hay vì ngộ kinh ngộ sách ở đâu, phàm người tu muốn cho đặng thành Phật thì phải học theo tâm tánh ông Phật, vì hồi trước ông cũng phàm tục như mình, rồi ông tu cách nào đặng thành Phật, mình phải coi theo đó; ông Phật tu làm cho được phàn bốn hườn nguyên? Phàn bốn là làm sao? Nghĩa là đem cái bốn tánh về thì được thành Phật chớ có chi đâu lạ. Nay mình muốn làm Phật thì phải thì phải làm cho được phàn bốn như ông vậy, ấy mới thành Phật được. Ông Phật đâu có tụng kinh, nay mình muốn tụng kinh mà tưởng mình thành Phật, thì khác hẳn với ông đi, đâu có nhằm, nếu không nhằm thì làm Phật sao đặng! Phàm người tu hành phải sửa tâm tánh: mỗi việc làm phải có đức hạnh, người có đức hạnh ấy là Phật, còn những việc tụng kinh cúng

đường, đó là những người giữ đạo cho ông Phật; dầu có giữ đạo cho Phật một muôn năm đi nữa, cũng là người giữ đạo mà thôi, làm chi thành Phật đặng. Ví dụ: Mình ở ngoài con đường đời, mình muốn đi học, thấy ông Đốc học quyền cao chức trọng, ý mình muốn làm đặng như ông thì mình phải ráng công học tập cho tài đức bằng ông thì sẽ làm được ông Đốc học vậy. Còn mình không học chỉ đi theo ông năn nỉ lay lục chịu cực khổ xách gói cho ông ngàn năm đi nữa thì cũng không trông gì làm ông Đốc học được, mà lại thành một người xách gói cho ông đó thôi, như vậy đó biết chưa? Hãy nghe bài kệ này thì rõ:

*Kinh tụng ngàn pho rất uổng công,
Tào Khê một ngọn nước giữa giòng,
Nếu chẳng biết mình trong có lửa,
Làm chi gián đắc thử chơn long.*

Pháp Đạt lại hỏi thêm, bạch Tôn Sư: "Xin Tôn Sư mở lòng từ bi dạy đệ tử học làm Phật, còn cái công phu của đệ tử bảy năm tụng kinh, nay đã trôi theo giòng nước."

Lục Tổ nghe vậy cũng thương mà nói rằng: "Này Pháp Đạt, như người muốn học làm Phật ta sẽ truyền pháp bửu cho, bằng muốn giữ đạo tụng kinh thì hãy tìm chùa khác mà học."

Pháp Đạt lay và bạch Tôn Sư: "Đệ tử xin học làm Phật, chớ không học giữ đạo, trước đệ tử lạc đường, nay nhờ Tôn Sư chỉ dẫn mới tỉnh ngộ ăn năn hồi hướng theo Tôn Sư cho đến cùng."

Lục Tổ lại nói: "Này Pháp Đạt, những người tu hành xưa nay người nào được thành Tiên, thành Phật. đều phải học chỗ một là chỗ vạn pháp qui nút,

hễ người muốn tu thành Phật phải học tại chỗ một, chùng đặng chỗ một rồi thì vạn sự tất. Người muốn học cho nên đạo phải bắt từ đây mà học. Đạo là vô cực, rất cao xa huyền diệu, chẳng phải nói một tiếng mà rồi, chẳng phải tu một ngày mà thành. Con đường đạo và vô thượng, chẳng phải gần mà cũng không dễ, nếu dễ thì thiếu chi người thành Phật." Khó lắm! khó lắm! Tu phải bắt từ chỗ vô cực: *Vô cực giả hồng mônng vợi phân, âm dương vợi phân*, nghĩa là: "Đạo đã có trước trời đất, âm dương chưa phân", đến khi trời đất, âm dương đã phân, nên có câu *Thiên đắc nhất dĩ thanh*, trời đặng một khí hư vô mà thanh; *địa đắc nhất dĩ ninh*, đất đặng một khí trọng trọc mà yên; *nhơn đắc nhất dĩ Thánh*, người đặng một nhà làm Thánh. Vì sao người đã đặng một mà không làm Thánh? *Nhơn đắc nhất nhi bất toàn kỳ nhất* bởi người đặng một mà chẳng trọn thừa một, vì cái một chẳng phải mọi người biết đặng. Tuy là tạo hóa sanh loài người ra, đã cho mọi người đều có ngôi tam bửu cũng bằng trời, đất nhưng Ngài lấy màn bí mật mà che cái chỗ một đó, không cho mọi người biết đặng, vì vậy mà người không đặng đồng thái hư nhất thể, cho nên mấy vị Thiên Sư đều hỏi *Nhứt qui hà xứ?* Đó có một mà không còn không biết cái một nó về đâu, phương chi là năm sáu nếu không biết chỗ một thì sánh với Tiên Phật còn xa lắm. Vì hễ là Phật, Thánh, Tiên đều đặng chỗ một, còn mình đi tu mà không tu chỗ một thì thành sao đặng?

Pháp Đạt hỏi: "Bạch Tôn Sư chỗ một là gì? Xin Tôn Sư chỉ dạy."

Lục Tổ nói; trong kinh Ký Tế có câu: *Phù tu*

đạo tiên quan kỳ tâm, quan tâm diệt tại linh quan nhứt khiếu; nhơn tự thọ sanh cảm khí chi sơ; bảm thiên địa nhứt điểm ngưng dương, quá sanh thứ khiếu dĩ toan ngưng thân; kỳ trung không không động động; chí hư chí linh, nãi ngộ nhơn chủ tế, nghĩa là: Người muốn sửa mình mà học đạo thì trước phải quan tâm, ấy là hồi quang phản chiếu, soi cho nhằm cái con đường đạo tâm là chỗ huyệt linh quan nhứt khiếu. Ôi! người mới sanh ra buổi đầu, chịu khí bảm của Trời Đất mà hóa sanh, một điểm ngưng dương mới thành ra một khiếu, cái khiếu này để nuôi ngưng thân, trong khiếu ấy không không động động, rất hư rất linh, ấy là chủ tế của con người đó. Nếu đặng cái khiếu này thì sống, không đặng thời thác; người tu hành hễ biết được cái khiếu ấy rồi, phải xoi nó ra cho trống, thời đặng làm Phật, Thánh, Tiên sống bằng thái cực. Hãy nghe bài kệ này:

Một lỗ huyền quan ở giữa mình,

Cách xa biển Bắc kể Huỳnh Đình:

Khiếu ấy bao la cùng vạn vật,

Nếu ai biết đặng chứng vô sanh.

Lục Tổ kệ rồi nói tiếp: Đó từ xưa những nay, người mà đặng thành Phật, thành Tiên, cũng đều đặng chỗ một mà thành. Nên trong tam giáo có nói *Nhơn viết tôn tâm dưỡng tánh; Thích viết minh tâm kiến tánh; Đạo viết tu tâm luyện tánh*. Đó ba giáo đều chỉ tâm tánh biểu tu tại đó, nhưng tâm tánh là bản thể của con người, cho nên Lão Tử nói *Đạo chi đắc nhất giả, đắc thứ bản thể chi nhứt* ta đây đặng chứng chỗ một, là đặng trong bản thể chung chỗ một vậy. *Thích chi qui nhứt giả, qui thứ bản thể chi nhứt*, còn đạo Thích gom về một ấy là gom về trong bản thể chung chỗ

một. *Nho chi quán nhứt giả, đắc thủ bổ thể chi nhứt, nhi quán chi giả, đạo Nho chung suất một là đặng trong bổn thể chung chỗ một. Dư ư thị bất tri chấp, trung bất nhứt quán, kỳ năng thành nhi Khổng Tử hồ, ta đây là Khổng Tử nếu chẳng biết chấp trung bất nhứt, làm sao suốt đặng chỗ một mà thành một vị Thánh hay sao? Bất thủ trung bất đắc nhứt, kỳ năng huyền nhi Lão Tử hồ, ta đây là Lão Tử, bằng chẳng thủ trung, thì chẳng đặng một làm sao lập đặng một cửa huyền môn, xưng mình là đạo Lão Tử? Bất không trung bất qui nhứt, kỳ năng thiên nhi Thích Ca hồ, ta đây là Thích Ca nếu không lấy chữ không trung mà gom về một, làm sao lập đặng đạo Thiên môn mà xưng mình là Đạo Thích? Đó người thấy không, trong tam giáo đều chỉ chỗ một.*

Từ xưa những nay, người tu mà thành Phật, Thánh, Tiên cũng đặng chỗ một mà thành, nào có ai tụng kinh mà thành Phật đặng đâu! Nhưng cái một, mà trong tam giáo đều kêu tên khác nhau chỉ có một lỗ huyền quan mà thôi; như Nho viết *Linh đài*; Thích viết *Linh sơn*; Đạo viết *Linh quan*. Đó tam giáo kêu tên không giống nhau chớ thiệt nghĩa có một vậy. Đó người thấy không? Có một mà nói nhiều như vậy còn chưa hết thay; nên trong âm dương kinh có câu: *Nhơn tuy Nam Bắc, pháp hữu nhứt tôn*, nghĩa là: Người tuy ở phương Nam phương Bắc, cái pháp chánh có một gốc mà ra. *Cái lập môn đình, thị phi tương thặng*, cần phải lập cửa đạo, kêu tên đạo, tranh hơn thua hay dở làm gì? Thôi hãy nghe bài kệ đây:

*Khác tiếng lạ tên nghĩa một mà,
Người đều lập cửa gọi rằng ba;*

*Nếu đặng thành công về một chỗ,
Tây phương sẽ đến viếng Thích Ca.*

Lục Tổ nói: Đạo chỉ có một mà thôi, tuy là có một nhưng nó ẩn trong ngàn kinh muôn sách, chẳng biết là bao nhiêu, hơi đâu mà học, cho nên chỗ một. *Nhứt bốn tán vạn thù, vạn thù qui ư nhứt bốn*. Đó, chữ nhứt nó bao la vạn vật, rồi muôn vật gom về một, nói không hết đặng.

Trong Ký Tế Kinh có câu: *Phàm tu đơn chi sĩ, nhược dục phân kỳ bốn phục kỳ sơ sử long hồ qui ư đành trung tánh tình hiệp ư nội khiếu, đương đưng long tưng hỏa lý xuất, hồ hường thủy trung lai lưỡng tình lưu luyến, nhị khí giao gia thiên địa cấu tinh, nhứt nguyệt giao hoan bàn truyền ư tổ khiếu chi trung, tự nhiên phục thủ tiên thiên vợi phán chi chủ, nhi thành hỗn ngưng chơn nhứt*, nghĩa là: Người muốn tu luyện kim đơn, thì phải làm cho phân bốn, là trở lại hồi buổi đầu, là chỗ cội nguồn, bây giờ phải khiến rỗng cộp gom về trong đánh, tánh tình hiệp vào trong tổ khiếu, chỗ này là giáng long làm cho rỗng theo lửa mà ra, tới đây là phục hồ, phải làm cho cộp theo nước mà lên đến nề hườn, rỗng cộp gặp nhau, hai tình lưu luyến không phân chỗ này là thủy hỏa ký tế, là trời đất cấu tinh, mặt nhứt mặt nguyệt chiếu sáng, đều gom về trong lò mà nấu, tự nhiên thành một khí tiên thiên; chỗ này là tứ tổ qui gia, tam gia tương kiến, đều đem về lò mà nấu, thành một khí hỗn ngưng chơn nhứt, mới trở về chỗ một. Hễ đặng vậy thì vạn sự tất hãy nghe bài kệ này:

*Cộp rỗng hay gả ở Tây Đông,
Lẽ phải thương nhau chẳng tranh hùng,*

*Bằng ai giải đặng gom về một,
Thần Tiên nháy mắt chẳng lao công.*

Lục Tổ kệ rồi nói: Phàm người tu muốn luyện kim đan, thì phải công phu luyện kỹ, hễ đắc kỳ chơn truyền, mới dám ngồi mà luyện thuốc, nếu không đắc kỳ chơn truyền đâu có tu một ngàn năm đi nữa cũng mà luyện thuốc cho đặng. Người tu đơn phải biết việc tu đó là khó lắm, không nên làm bướng, chẳng phải ý mình biết chữ mua sách đạo về coi rồi cường giải cường tác, thành ra làm hại cho tánh mạng, đó là việc lớn không nên làm vậy. Trong sách có câu *thiên lý tâm minh sư*, nghĩa là: đường ngàn dặm cũng phải tầm ông minh sư mà học; *vạn lý cầu khẩu khuyết*, nghĩa là: đường muôn dặm cũng phải cầu lời khẩu khuyết. Chẳng phải biết chữ mua sách về học, rồi đặng làm Tiên làm Phật, thì không ai làm thầy ai. Nếu coi sách thì làm sao biết được tứ tổ qui gia, tam gia tương kiến, vĩ lư quán đánh, và chiếc khảm điền ly, thiệt là khó lắm khó lắm... Vậy hãy nghe bài kệ này:

*Ba nhà nay đặng hiệp một đường,
Tứ tổ gom về giữa trung ương,
Khá kíp vĩ lư mau quán đánh,
Xây lò từ phủ đối âm dương:
Nước lửa gặp nhau cung Bắc Đẩu,
Khâm ly ký tế tại khung thương,
Sanh đặng bửu châu nơi ngọc đánh,
Rớt xuống Huỳnh đình thể an khương.*

Pháp Đạt lại hỏi: "Bạch Tôn Sư đã giải nghĩa chữ nhứt, chỗ đó là đạo kêu có một, nay Tôn Sư đã giải chỗ một, thiệt huyền diệu lắm. Còn những việc

tụng kinh cúng dường bố thí đặng cầu công đức, việc ấy có vậy không? Xin Tôn Sư chỉ dạy."

Lục Tổ liền cười ngất mà rằng: Thiệt nhà người dốt quá, hễ đọc sách thì chỉ biết nhơn nghĩa mà ở đời, còn tụng kinh biết ý kinh và lý thuyết của nhà Phật mà thôi; chớ có cầu công đức chi đâu. Còn việc bố thí cúng dường mà cầu công đức đó thì có. Hai chữ công đức có bốn hạng như vậy:

1- Như mình ở ngoài thế muốn cầu công đức cho xác thân, thì phải cúng dường bố thí; cái công đức này làm cho người ta khen, nói mình làm lành chớ không dính dấp gì với ông Phật. Ấy là công đức ngoài thế sự.

2- Còn như sắc thân mình đây, muốn làm công đức cho đặng thành một cái pháp thân, là thân Phật, thì phải làm như vậy, có câu *Bất ly tự tánh thị công*, nghĩa là: Giờ khắc nào không lìa bản tánh, ấy là công. *Ứng dụng vô nhiễm thị đức* hai chữ "Ứng dụng" nghĩa là: Mình làm những việc gì, dầu có thấy công danh phú quý trước mắt mà không nhiễm, ấy là đức. Cái công đức này sẽ đặng làm một vị pháp thân, để hưởng phước đời đời.

3- Còn mình muốn làm công đức hóa thân, là thân Phật thì có câu *Tự tu tánh thị công*, nghĩa là: Mình sửa cái bản tánh của mình. Cái bản tánh của mình làm sao mà sửa? Cái bản tánh mình vì hồi buổi đầu mình có tánh lành, đến lớn lên mắt ngó thấy đời, lo chen lán với người làm cho bản tánh phải mờ tối. Nay mình tu đây, là mình sửa nó bỏ cái dữ đem cái lành về, ấy là công. *Tự tu thân giả đức*, nghĩa là: Mình sửa cái sắc thân của mình. Mà làm cách nào sửa cái sắc

thân của mình được? Vì nó chịu phụ tình máu huyết mà sanh ra, hồi buổi đầu thân thể đầy đủ khí huyết cụ thành, nay mình đã phá hoại, làm cho khí huyết hao mòn bây giờ đây mình đã hồi tâm thì phải biết sửa nó lại, làm cho nó thanh vượng như hồi buổi đầu, ấy là đức. Cái công đức này là của sắc thân để làm đến một vị hóa thân đặng hưởng vô cùng khoái huyệt.

4- Còn người tu hành tạo được công đức báu thân là niệm Phật, thì lại có câu *Niệm niệm vô dan thị công*, cái công đức này khó lắm. Ngày, giờ, khắc nào chữ niệm không lìa trong con đường đạo tâm. Đó là công. Cái công này lớn lắm. *Tâm hành bình trực thị đức*, nghĩa là: mỗi ngày mình làm việc gì, lòng phải cho ngay thẳng, ấy là đức. Cái công đức này thì được sắc thân viên mãn, làm một vị báu thân là thân Phật, được hưởng tiêu diêu tự tại. Đó, có một cái sắc thân mà phân ra làm công đức bốn bậc như vậy, không phải bố thí cúng dường mà kể công đức với ông Phật được đâu; hãy nghe bài kệ này:

Nói đặng không làm, nghĩa cũng không?

Có chi mà gọi ấy là công,

Dẫu tụng muôn năm không thấy tánh,

Trông gì gặp mặt chủ non ông.

Lục Tổ nói *Nhơn non bốn cụ tam thân Phật*, nghĩa là: mỗi người đều có ba cái thân Phật như là pháp thân, hóa thân, báu thân, đều ở trong cái sắc thân mà hiện ra chẳng phải ở ngoài, vì người đời hay chấp mê, nên không biết cái bốn tánh của mình. Cái bốn tánh mình là bốn tánh Như Lai mà không biết lại bo bo ôm cái chấp mê để đi cầu Đức Như Lai thì Như Lai ở đâu mà cầu? Lấy câu dưới đây mà suy thì biết

Ngoại thủy vô ba toàn ba thị thủy, nghĩa là: không có nước thì chẳng bao giờ có sóng, mà cả sóng ấy là nước sanh ra. Cũng như không có cái sắc thân này thì làm chi có thân Phật cho được. Vậy có phải Phật là người hay không? Còn kiếm ở đâu nữa? Nay Pháp Đạt, chẳng phải nước Tây Vực hay là nước Cao Mên có Phật, còn nước Việt Nam lại không có Phật hay sao? Nhưng Phật là người, mọi người đều đặng làm Phật, song bị cái sắc thân này hay nhiễm những việc thế sự và hay làm cho người đặng quyền cao chức trọng; thiệt cũng vì nó làm cho con người bị khổ bị hại đó. Nên có câu *Thôi non dĩ phò non tận thị nhứt ban thủ*, ấy có phải là tại cái tay nó độc như vậy hay không? Nó đã xô người rồi nó lại đỡ người rất dễ. Xem đó thì biết câu *Tri kỳ yếu nhứt ngôn nhi chung, bất tri kỳ yếu lưu tán vô cùng*, nghĩa là: Biết đặng cái yếu lý của nhà Phật, và của đạo thì một lời nói cũng trọn, bằng không biết vậy, dẫu có viết hết giấy, hết mực không viết đi nữa thì cũng không cùng được. Trong kinh Niết bàn có câu *Thế non chung nhứt thường niệm bát nhã bất thức tự tánh bát nhã, du như thuyết thực bất bào*, nghĩa là: Người đời hằng niệm câu bát nhã, chẳng biết cái bốn tánh bát nhã là gì; cũng như nói ăn mà chẳng ăn, làm chi cho no và cứ nói một chút nữa ăn hay bây giờ ăn nói như vậy hoài hoài làm sao cho no được. Có câu *Khẩu đặng thuyết không, vạn kiếp bất đắc kiến tánh, chung vô hữu ích*, nghĩa là: Cái miệng nói không, dẫu cho muôn năm cũng không đặng thấy tánh; thiệt không ích gì. Cũng như nói một hồi nữa tôi đi Tây phương, một chút nữa tôi sẽ về xứ Cực lạc, nói đi mà không đi, rồi có tới hay không hử? Nay

Pháp Đạt, phạm làm người tu hành phải đem hết tâm chí để trước mắt rồi xét coi cho kỹ trong mình của mình, lại xem đến việc ngoài mình, nhìn coi cái nào thiệt cái nào giả, phải biết cái nào hư, cái nào nên mà dùng mới là không lầm.

Phật ở đâu? Phật là mình, mình đây là Phật, Phật tại tâm, tâm tức Phật, chớ Phật đâu có ở trên mặt sách tìm kiếm mất công, hãy nghe bài kệ này:

*Trong mình ta đủ há vọng cầu,
Dọn xuống một đường phải cho sâu.
Ở xa ngó thấy chơn tiên tử,
Đường ngôi phân chiếu luyện phép màu.*

Pháp Đạt lại hỏi: "Bạch Sư Phụ đã giải nghĩa cúng dường, bố thí, rồi còn hai chữ sám hối làm sao? Xin Sư phụ chỉ bảo."

Lục Tổ nói rằng: "Thằng này nhiều chuyện quá, hãy nghe ta giải nghĩa hai chữ sám hối. *Sám giả sám kỳ tiền khiên, hối giả hối kỳ hậu hóa*. Hai chữ sám hối nghĩa như vậy đa, vì vậy mới có việc sám hối."

Hai chữ sám hối là tại hồi buổi đầu mình gây những việc không lành, nên phải trở lại cõi nơn đồ này đặng đòi nợ hoặc trả nợ. Nay mình sám là sám kỳ tiền khiên, là mình không có gây nữa, mà cũng không tạo những việc tiền khiên nữa, đó là sám. Còn hối, mình sanh đặng làm người đây thì phải hối hận ăn năn từ đây đến sau không tạo việc dữ, không làm việc lỗi nữa, đặng mau trở về con đường cũ cho tiêu điều tự tại, đó là sám hối. Chẳng phải đến chùa lạy sám hối, rồi về nhà tạo những việc oan khiên, như vậy mà sám hối cái gì? Hối là mình hối, mình xét mình không làm điều quấy, không tạo việc luân hồi

quả báo nữa, nghĩa là hối. Vậy nghe bài kệ đây:

*Hai cõi cách nhau lý một mà,
Dương gian Âm phủ chẳng đâu xa;
Sợ tội gìn lòng đừng làm quấy,
Phạm luật lạy hoài cũng chẳng tha.*

Pháp Đạt hỏi thêm: "Bạch, Tôn Sư đã dạy những việc tu hành và giải nghĩa cho đệ tử nghe thiệt là phải lắm; nay đệ tử xin thọ giáo với Tôn Sư, chẳng biết dùng lễ vật chi và đặt bàn hương án, làm số cáo với Phật hay không? Xin Tôn Sư dạy bảo."

Lục Tổ nghe hỏi liền cười ngất mà rằng: Thằng này tên là Pháp Đạt mà dốt quá, không thông chút nào thiệt là chấp mê. Người không thấy trong Kinh Thư nói hay sao? *Khai trì bất đãi nguyệt, trì thành nguyệt tự lai*, nghĩa là: Đào ao chẳng phải chờ có mặt trăng mới đào đặng, hễ mình đào ao rồi thì mặt trăng tự nhiên mà đến. Đó là do cái lý tự nhiên. Hễ mình muốn tu, thì phải làm sao cho đức hạnh đầy đủ, nếu đầy đủ rồi thì cái điển lành của mình nó tỏa ra trên cảnh hư không, chừng đó Tiên Phật thấy mình có đức hạnh hoàn toàn, ngài đến rước mình. Thôi hãy nghe bài kệ đây:

*Đẹp lẫn sắc tướng với thanh âm,
Chẳng phải đâu xa nhọc sức tâm,
Hé cửa thiên môn dòm ngó thấy;
Cần gì đưng số đến Quan Âm.*

Pháp Đạt nghe kệ rồi lại hỏi: "Bạch Sư phụ, bây giờ dạy con tu chỗ một, rồi tu đến đâu mới kết quả."

Lục Tổ liền nói: Người hãy nghe kệ đây...
Tâm trống bụng đây gọi là tu,

*Dời lò sửa bếp ấy công phu,
 Từ đây bước lên đường vô thượng,
 Công viên quả mãn trót mười thu.*

Lục Tổ liền kệ thêm ba bài nữa, chỉ cách công phu mười năm.

Kệ rằng:

*Mười thu xa lánh chốn hồng trần,
 Sớm tối trau dồi cái sắc thân:
 Phải vận châu thiên đều tức chí,
 Kịp toan hái thuốc dưỡng tinh thân.
 Trở xa Phong hỏa qua Bắc hải,
 Múc nước Liêm tuyên đặng nửa cân;
 Vào lò bác quái mau đúc lại,
 Cho thành một vị thật chủ nhân.*

Hựu:

*Chủ nhân người ấy chẳng phải ai,
 Vì phạm thiên cơ phải bị đây;
 Nếu muốn trở về nơi cực lạc,
 Bày ngày hái thuốc luyện Thánh thai.
 Mười tháng dưỡng nuôi công cực khổ,
 Ba năm bông ả chẳng rời tay;
 Chờ có đơn thơ cùng chiếu triệu,
 Tiên hạc rước về cõi Thiên Thai.*

Hựu:

*Thiên Thai phong cảnh thật là xinh,
 Hé cửa Thiên Môn thấy lạnh mình,
 Trên đảnh trời êm mây che phủ,
 Dưới chùa gió lạnh cát huyền minh.
 Tuyết xuống ngọt ngào đường cam lộ,
 Hơi lên muôn trượng thấy mà kinh;
 Bốn bề chiếu sáng xem không mõi,*

Một điểm xung ra giữa Huỳnh Đình.

Lục Tổ kệ rồi nói: Đó, bắt từ chỗ một cho đến mười năm, phải làm theo trong mấy bài kệ đây như vậy mới đặng kết quả. Tu phải khó như vậy.

Pháp Đạt thưa: "Hồi nào đến giờ con tụng tụng kinh thành Phật, nên cứ việc tụng hoài, ai ngờ đến nay gặp Tôn Sư dạy tu chỗ một, rồi đến chỗ dời lò sửa bếp, hái thuốc nấu đơn, mới thành Phật thì đệ tử mới biết việc làm Phật là khó."

- Nay Pháp Đạt. Đạo có một nhưng mà hai chỗ một, để ta nhắc lại cho người nghe, chỗ một này là trước hết. Bên Cực Lạc hồi chưa có Trời Đất chỉ có một vị Phật tên Vô Nguyên Cổ Phật, ông này thành Phật hồi chưa có trời đất, ngài luyện đặng hai mươi bốn hột minh châu hóa làm hai mươi hai vị Đại Giác Kim Tiên; chừng có trời đất rồi ngài mới chia ra cho xuống phàm đặng lập đời Thượng Cổ người người tâm tánh hiền lương, không làm việc dữ, nên không cần lập đạo. Đến sau cách mấy ngàn năm, đời càng ngày càng thạnh, người càng đông, mới sanh ra những việc chẳng lành, cho nên phía Tây Vực gọi là Hung Nô, lập nhà chánh trị, bày những máy giết người, người thiệt là tàn bạo sanh linh, vì vậy mà đức Thái Ất Hồng Phương Đạo Quân giáng sanh xưng hiệu Lão Tử. Khi Ngài qua đến Tây Vực, thấy cái máy giết người thì ngài lấy tay chỉ ra một cái, máy liền tan nát nên người gọi là Cổ Tiên sanh. Từ đó đến một ngàn năm sau Phật Thích Ca ra đời lập đạo Phật tại Tây Vực, rồi ngài truyền lại đặng 28 vị Tôn Sư. Sau đời nhà Lương Võ Đế, ngài là Sơ Tổ đem đạo Phật qua đất Trung Nguyên lần đầu, truyền ra đặng năm

người tới Ngũ Tổ là thứ năm nên gọi là *Nhứt huê sanh ngũ diệp*, ấy là một gốc mà sanh ra nhiều nhánh như vậy. Bây giờ đến ta đây là kỳ chót, người hãy nghe ta truyền đạo cho, người phải nhớ đừng có quên đạo ở trong mình của mình, chẳng phải ở đâu xa mà tìm; trong thân của mình, trên nê hườn có một cái cầu kêu là *Thượng Thước Kiều*. Nơi ấy có ống khóa chùng ngồi thất nhứt thể dương tinh, nếu có hái thuốc nấu đơn thì khóa nó lại, bằng để thuốc lọt ra ngoài ắt là nguy biến. Còn ở giữa mình của mình gần mé biển Bắc có một huyết gọi là Tổ khí, chỗ này có một người con gái giữ cửa ải cầm xâu chìa khóa; phép mở ống khóa này phải vặn 16 lần, thì cửa ải mới mở. Từ xưa đến nay người mà ra khỏi tam giải cũng phải noi theo cửa ải này mà ra mới đặng. Hãy nghe bài kệ này:

*Muốn ra ba cõi chẳng khó chi,
Thần khí gom về chốn huyết ni,
Mở khóa chờ cho trong hé cửa,
Ba nhà hiệp lại kết anh nhi.*

Lục Tổ nói: Từ đây ta truyền pháp bửu cho người còn Y Bát ta không truyền được vì Tôn Sư ta là Ngũ Tổ có nói *Ta ra dạy Đạo kỳ này đây mấy người phải rần lo tu hành cho đặng ngộ rồi cùng tiêu diêu tự tại, chớ không đặng ra dạy đạo nữa vì có một lần này là lần chót hết. Đến hai ngàn năm sau có một vị Tôn giả ra đời dạy đạo.* Hãy nghe bài kệ đây:

*Hèn lâu mới có Đạo một lần,
Tứ chúng khá tua kíp ân cần,
Mau chơn bước đến đường vô thượng,
Chậm phải luân hồi khổ sắc thân.*

Pháp Đạt lại hỏi: "Bạch Sư phụ đã dạy con từ

thất nhứt đến thập ngoạt hoài thai, tam niên nhũ bộ làm sao con chưa hiểu rõ, xin Tôn Sư dạy kỹ con mới dám ngồi mà tu, nếu hiểu không rành lòng phải hồ nghi thành ra tu hành trễ nải."

Lục Tổ nói: Thiệt phải vậy, hành đạo khó lắm, mình làm Tiên Phật đâu có dễ, người hãy nghe đây... nếu muốn luyện kim đơn phải ngồi bảy ngày gọi là thất nhứt thể dương tinh, hái thuốc, nấu đơn đặng luyện thành kim đơn. Cách luyện kim đơn này thật là khó lắm, người tu đơn đến đây biết hạ thủ mà không biết hái thuốc, thì cũng không thành đơn; biết hái thuốc mà không biết mùa tiết cũng không thành đơn; biết ngày phối hiệp mà không biết giờ nào thuốc lên, giờ nào thuốc xuống, cũng không thành đơn; nếu biết giờ thuốc lên hay xuống mà không biết cách nấu, để tới quá dùng cũng không đặng, còn chưa tới thì không thành đơn. Tu luyện kim đơn đến đây, phải học cho biết thời tiết ngày giờ, vậy phải học biết thời tiết ngày giờ, vậy phải biết câu *Dương tinh từng thanh nguyên nhi sanh, tấc thể chi; dương tinh từng trước, nguyên nhi sanh, tấc khí chi*, phải biết thanh trước như vậy mới đặng. Thanh nghĩa là gì? Ấy là ban ngày không thấy sắc, tâm không mong tưởng mà ban đêm dương thận ngoại động, đó là đại dược phát sanh, ấy là thanh nguyên hãy mau ngồi dậy hái thuốc. Thuốc này là kim đơn đại dược phải dùng đại châu thiên, đem lửa hỏa hậu lên mà nấu, bây giờ đây đã vào thất nhứt, không dùng lửa núi Nam, không dùng lửa hồi quang phản chiếu, không dùng tiểu châu thiên, đến đây gom tam muội chơn bảo đem vào lò nấu kim đơn mới đặng. Còn trước nguyên là gì? Là ban ngày thấy

sắc thì tâm vọng tưởng mà ban đêm dương thận ngoại động (tắc khí chi) thì bỏ; muốn bỏ phải làm sao? Là không phải bỏ lọt ra ngoài, mình phải đứng dậy làm như vậy, như vậy... thì lược nó lại, cái nào trước theo con đường cốc đạo mà ra, còn cái nào thanh trở lại vô lỗ Liêm Tiên sẽ thành nước tân dịch, là nước miếng sau mới trở lại bàn quang chùng mình vận đại châu thiên nó lại thành nước cam lộ. Đó cách nấu thuốc như vậy. Đủ bảy ngày rồi sẽ vào nhập định, từ một ngày đến ba tháng thì hơi thở hô hấp đều tức thở nhỏ như sợi chỉ; thở tại huyết tề luân hư cảnh. Từ đó ngồi cho đến bốn năm tháng thì khí hô hấp nó nhọn cái ngưng thần tịch chiếu. Đến đây hết ăn; chỗ này đạo gọi là diệt định. Bây giờ cái ngưng thần nhờ phần ngưng khí bồi dưỡng thành ra dương minh bất muội người mà ngủ đó thuộc kinh dương minh, lúc này kinh dương minh đã đầy đủ thì làm cho mình không buồn ngủ nữa. Đó là chúng quả chơn không.

Đến đây hơi thở ngưng, hết ăn hết ngủ thì mới kiết thành thai, phải giữ đến sáu bảy tháng, ngày đêm mờ mịch, yếu yếu minh minh, đến tám chín tháng trăm mạch đều ngưng tới đây máu trắng, chỗ này là *Phế âm thủ dương*, giữ như vậy cho đủ mười tháng thì được thống dương, thần qui đại định. Lúc bây giờ tâm đặng phát hiện ra ngoài đều biết lục thông, *thiên nhân thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, mạng tức thông, lậu tận thông, thần cảnh thông*. Lúc ấy đều thông các việc ngoài mình, những việc dĩ vãng vị lai đều biết, đó là thập ngoạt hoài thai; người tu phải nhớ, phải can đảm không nên nhút nhát và không

đặng ép mình để tự nhiên như vậy, chùng nào hết ăn, không ngủ thì thôi, nếu không ăn thì đừng sợ còn không ngủ thì đừng lo. Hễ người làm đạo đến đây nó đổi cái cảnh phạm hiện cảnh Phật ra, vì là Phật phạm khác nhau. Hễ ông Phật, ông Tiên thì không ăn không ngủ.

Hãy nghe bài kệ đây:

*Bảy ngày hiệp đủ đại châu thiên,
Giờ khắc không ngưng phải vận liên;
Dương quan nhị hiện thần thông khí,
Nội cảnh yếu điều kiết thai tiên.*

Hựu:

*Thai tiên mười tháng chớ để liên,
Đại định im lìm tịnh tự nhiên;
Ngồi đứng dưỡng nuôi công cực khổ,
Ba năm đời hẳn thượng đơn điền.*

Hựu:

*Đơn điền mở cửa thấy Thiên Môn,
Thùng thẳng ra vào chớ bên chôn;
Xuất định chẳng cho ngoài thế giải,
Nhập vào phải ở giữa cần khôn.*

Lục Tổ nói: Đó là thập ngoạt hoài thai, tam niên nhũ bộ. Bắt đây ngồi đến chín năm, là cửu niên điện bích tu đến đây khỏi luân hồi đặng hưởng đời đời tự tại. Hãy nghe bài kệ đây:

*Chín năm mắt ngó chẳng lưng tròn,
Thần khí gom về ở giữa trong;
Mở ngọn tâm đặng chờ gió thổi,
Đẹp đường xa lộ đã gần xong.*

Hựu:

Gần xong đạo cả sẽ lên đường,

*Âm khí tiêu mòn đã thống dương;
Mở cửa thiên môn châu kim khuyết,
Từ đây về tới chốn quê hương.*

Lục Tổ kể rồi lại nói: Đó là cửu niên diện bích nay ta truyền hết cho người, người hãy lo mà tu hành.

Pháp Đạt quì lạy tạ ơn rồi trở ra kiếm chỗ ở mà tu. Từ đây không lo việc tụng kinh cúng dường nữa.

Nói về Lục Tổ đương thuyết pháp cho tứ chúng nghe, có tên tăng Pháp Hải ở quận Thiều Châu người ở đất Khúc Giang, nghe đồn Lục Tổ dạy đạo tại chùa Bửu Lâm nên đến ra mắt ngài mà hỏi *Tâm tức Phật nguyện thì chỉ du*, xin Tôn Sư dạy bảo, vì có nào mỗi đơn kinh đều nói *tâm tức Phật, Phật tức tâm*, mà đệ tử chỉ thấy các nhà tu hành, đều làm Phật tức miệng, ấy là mỗi khi niệm thì nói *Mô Phật*. Như vậy là Phật tức miệng, làm sao tức tâm được? Xin Tôn Sư dạy bảo.

Lục Tổ trả lời rằng: Lành thay lành thay, thiết người hỏi phải lắm, bị như vậy mà xưa nay không có ông Phật nào là Phật mới, tinh những Phật cũ không, vì tại làm sao người biết không? Cũng tại chữ tụng chữ niệm không phân. Tụng là gì? Niệm làm sao? Người có nghe lời của Đức Thế Tôn nói như vậy hay không *Này tứ chúng ai muốn làm Phật như ta, khỏi tâm ở đâu cho mất công, Phật ở lòng người, tứ chúng cứ dỡ trên mặt sách mà tâm hay là lên núi mà kiếm thì không bao giờ thấy Phật đặng*. Trong kinh Pháp Hoa có nói

Niệm niệm bất ly tâm, đó thấy chưa; người hãy nghe ta giải nghĩa chữ tụng chữ niệm phân minh rồi sẽ giải nghĩa chữ tâm luôn thể.

Chữ *tụng* nghĩa là học, chữ *tụng* thì chữ *ngôn* bằng *khẩu* mở ở trên, chữ *dụng* là dùng ở dưới, đó là dùng lời nói ở ngoài miệng, để học cho mau thuộc; chớ nó không dính trong tâm chút nào, hiểu chữ tụng hay chưa? Còn chữ niệm chẳng phải nói lầm thầm gọi là niệm, mà cũng chẳng phải miệng nhóp nhép gọi là niệm, không nhằm không trúng đâu! Chữ *niệm* như vậy, *nhơ* ở trên, *nhị* là hai ở dưới, *có một số ngay xuống chữ tâm*, đó là *âm dương hiệp nhất*; một số ngay xuống chữ tâm, cái số đó là con đường đạo tâm. Hễ người tu đơn đến đây mới biết người có hai tâm là *Nhơn tâm, Đạo tâm*. Một cái *nhơn tâm* và một *đường Đạo tâm*. Trong Đại Bồ Khuyết Tâm Kinh có câu *Cố tâm vô khoái ngại* là chỗ này. Lại có câu *Nhơn tâm dĩ quá, Đạo tâm thường tồn, tự nhiên vô khoái vô ngại*, phàm người tu hành phải làm cho cái *nhơn tâm* tử, thì con đường Đạo tâm hằng còn; như vậy thì tự nhiên vô khoái vô ngại đó. Cho nên trong Đạo Đức Kinh có câu *Giáo nhơn khử nhơn tâm, nhi thủ đạo tâm*, hễ người tu hành phải bỏ cái *nhơn tâm*, tu mới đặng. Vậy phải làm sao mà bỏ, nghĩa là phải bỏ cái tâm háo sắc, tham muốn, sân si, tà dâm, vọng tưởng và các tướng, đó là bỏ cái *nhơn tâm* như vậy. *Nhi thủ đạo tâm* là giữ con đường đạo tâm; nếu muốn giữ con đường đạo tâm thì phải dọn cho nó sáng suốt, rồi phải thêm dầu cho tâm đặng phát hiện ra ngoài, chỗ này gọi là *Thất năng sanh huê*, tới đây còn lo chi mà không đặng thành tựu. Trong Chơn Giải có câu *Thế nhơn chỉ tri hậu thiên, nhi*

bất minh tiên thiên. Ôi! người đời chĩnh biết hậu thiên, mà chẳng biết được phần tiên thiên; lại chẳng hiểu cái nào khinh, cái nào trọng, hễ gặp thì dùng không biết món nào quý, món nào không quý, bị như vậy rồi cứ lẫn lộn trong con đường lục đạo không dứt. Chi tri nhơn tâm nhi bất minh đạo tâm, nghĩa là: Chĩnh biết cái nhơn tâm mà không sáng con đường đạo tâm, vì vậy mới lẫn hụp cỡi diêm phù đời đời kiếp kiếp. Nên có câu Thủ bất tri nhơn tâm giữ đạo tâm, địa giải bất nhưt các cư nhưt phương, nghĩa là: Chĩnh chẳng biết cái nhơn tâm cùng cái đạo tâm, không phải một chỗ ở, chia ra làm hai phương. Nhơn tâm cư ngũ tạng chi hạ, cái nhơn tâm ở dưới ngũ tạng, vì vậy mà hay nhiễm việc thế tục hay mê lẫn việc công danh, vui theo biển sanh tử. Còn Đạo tâm sở cư linh đài chi trung, con đường đạo tâm lại ở trong huyệt "linh đài" trọn vậy mà sáng, mờ mờ mịch mịch yếu yếu minh minh. Vô cực giả hồng vợi phán, âm dương vợi phán, thiên địa chi cang, vạn vật chi mẫu phụ tình mẫu ý giao cấu chi thời, thần khí tương ứng như hoàng hốt yếu minh, tức thị vô cực giả, ký ứng chi hầu, linh tánh tương đầu, tinh huyết tương bào tức thành thái cực, như ngũ hành sanh viên, mẫu hô tùy hô mẫu hấp tùy hấp thập ngoạt thai tức, cô thực nhuế lạc, lục địa nhưt thính, tiên thiên khí thân, hậu thiên khí tiếp.

Lời ông Cửu Từ Vân nói rằng:
*Giả điểm linh quan đạo thượng lai,
 Chỉ nhơn súc vọng đạo trần ai.
 Quâm kiếm yếu kiên hồi hướng lễ,
 Ngô đắc tâm kinh đạo nhơn khai.*

Con đường đạo tâm này, nhơn hồi buổi đầu

còn ở trong bụng mẹ, mình nương theo mẹ mà thờ, khi đủ mười tháng nghe nổ một tiếng mình theo đó mà ra thì khí tiên thiên đã thân, lại tiếp khí hậu thiên. Bây giờ theo chỗ gần là gần khí hậu thiên, mà từ chỗ xa là xa khí tiên thiên, không đặng cùng thái hư đồng thể mà hưởng vô cùng vô tận. Bây giờ đây mình phải tu đặng đem khí tiên thiên trở về đổi khí hậu thiên, mà thành một khí hỗn ngưng chơn nhưt; làm như vậy mới trọn đặng một khí hư vô, đồng thái hư một vóc. Trong Đại Bồ Khuyết Tâm Kinh có câu *Thị đại thần chú thị vô đẳng đẳng chú*, câu này đáng tụng hay không? Câu này là *Phi Thánh Thần bí ngữ chi chú*, vì câu này không phải câu chú của ông thần ông thánh đâu mà tụng. Câu này là nguyên hồi Đức Ngươn Thỉ Thiên Vương sanh ra trước khi có trời đất, ngài thấy đời Thượng Cổ người chưa có nhiều nên ngài mới hóa thân là hóa cái ngưng thần cho xuống đầu thai nhưng bị lạc về hậu thiên, bị khí bám sở câu, nhơn dục sở tế, nó che lấp cái bốn tánh hồi buổi đầu làm cho con người phải chịu sanh sanh hóa hóa đời đời kiếp kiếp. Đó là câu *thị đại thần chú*. Nay mình muốn trở nên một vị vô sanh, thì phải tu đặng đem cái ngưng thần trở về tiên thiên, đặng giải thoát, không trở lại cỡi nhơn đồ này nữa. Thôi hãy nghe bài kệ đây:

*Bốn tánh Bồ Đề tức đạo tâm,
 Hà tất xu xu hưởng ngoại tâm,
 Nếu đặng chơn truyền cùng khẩu khuyết,
 Một lời biết niệm mở đạo tâm.*

Lục Tổ nói: Đó là tâm tức Phật, đâu có chi lạ. Có câu *Tiên niệm bất sanh tức tâm*, nghĩa là: Mới khởi đầu câu niệm mà chẳng sanh ấy là tâm; *Hậu niệm bất*

diệt tức Phật, nghĩa là: Mình niệm không dứt câu niệm tại con đường đạo tâm ấy là Phật. *Thành nhưt thiết chư tướng tức tâm, ly nhưt thiết chư tướng tức Phật*, nghĩa là: Cả thấy các tướng sanh ra đều tại tâm, liã đặng các tướng ấy là Phật (các tướng là thình âm sắc tướng).

Khi Lục Tổ nói đến đây thì Pháp Hải lại hỏi: "Bạch Tôn Sư đã giải nghĩa tức tâm tức Phật thiệt là có lý lắm. Xin Tôn Sư dạy cách hành đạo làm sao cho thành tâm tức Phật, xưa nay cái nói thì có, còn cái hành đạo thì không, vì vậy mới là không thành Phật. Nay con xin Sư Phụ chỉ chỗ nào gọi là: *phi mao tùng thủ đắc*, làm sao xé chữ *mao* mà theo ấy đặng? Làm Phật tại chữ *mao* hay là làm sao?"

Lục Tổ nói rằng: Thằng này dốt quá, người thiệt là cố chấp, này chữ *mao* nó giống chữ *tâm*, chữ *mao* có một phết ở trên đầu rồi uống câu, lấy hai ngang giữa làm hai chấm thì thành chữ *tâm*. Đó làm Phật tại tâm chớ chi đâu mà cố chấp nữa. Này Pháp Hải người hãy nghe ta chỉ chỗ hành đạo như vậy mới là tức tâm... bắt đây là đầu, đây là đuôi, đây là tâm, tâm là Phật biết không. Niệm như vậy thì nó trúng con đường đạo tâm, ngời khòm đầu một chút, cho nó mở trống con đường tào Khê ra rồi niệm như vậy, như vậy... Hãy nghe bài kệ dưới đây:

*Tu hành cần phải dưỡng đạo tâm,
Chớ tính đầu xa nhọc sức tâm;
Trước tập tham thiền ngời đại định,
Dắt vào cho trúng chỗ đạo tâm.*

Đó, làm như vậy mới là tức tâm. Chỗ này là của đạo, đây là đầu chỗ pháp môn, người mới vô tu phải từ từ chỗ này trước. Chỗ này là một thừa, ấy là

sơ thiền. Hễ người muốn tu mà làm Phật làm tiên phải vào đến bậc tam thừa mới có ngày kết quả.

Pháp Hải hỏi: "Bạch Tôn Sư, chỉ cách hành đạo như vậy nghe thì phải, nếu mình dọn con đường đạo tâm theo chỗ Tôn Sư dạy, khi mình sửa dọn đã trống, nhưng Phật không tức tâm, không có ông Phật tại tâm, rồi mình bắt thường ai bây giờ?"

Lục Tổ liền cười ngất mà nói rằng: Thiệt là chấp mê quá. Này Pháp Hải người biết ông Phật là ai không? Ông Phật là giác. Người biết chúng sanh là gì không? Chúng sanh là mê, hễ *giác giả Phật, mê giả chúng sanh*. Đó hai chữ *giác mê* mà thôi. Ta đây đã lấy bốn tánh Như Lai mà thuyết pháp cho nhà người nghe, sao nhà người còn chấp mê hoài? Trong Niết Bàn Kinh có câu *Tâm tự vô tâm Phật, hà xứ cầu chơn Phật*, là như cái bốn tâm mình không phải tâm Phật thì chỗ nào mà người ta cầu đặng chơn Phật? Người không nghe Kinh Thư nói hay sao *Nhứt kim thành vạn khí, vạn khí tổng lai kim*, nghĩa là: Một cục vàng người muốn làm một muôn món đồ cũng đặng, trong một muôn món đồ đó cũng đều bằng vàng; nếu không phải vàng lấy chi mà làm muôn món đồ đó vậy. Cho nên cái sắc thân của con người đây đặng làm Phật, Thánh, Tiên cùng là quan dân cũng đều tại cái tâm cả thảy. Vậy người nghe bài kệ đây:

*Các việc hư nên bởi lòng ta,
Phật, Tiên, Thân, Thánh có đâu xa;
Lấy đuốc soi vào trong hang tối,
Dưới cội Bồ Đề thấy Thích Ca.*

Lục Tổ lại nói *Thủy lưu nguyên tại hải, nguyệt lạc bất ly thiên*, nghĩa là: Nước tuy chảy ra nhiều

nguồn, nhiều rãnh cũng đều về biển, mặt trăng tuy lặn há lia trời đặng hay sao?

Pháp Hải nghe Lục Tổ nói có lý phát đại ngộ nên quì lạy Tôn Sư đừng chấp: "Bây giờ đây con hết lòng hồ nghi nữa, xin Sư Phụ cho con lên non ở tu hành vì con ở đây không có ngày giờ rãnh mà tu, thành ra một ngày qua một ngày, mang tiếng tu hành mà không đặng giải thoát, uổng công vô ích."

Lục Tổ nghe vậy cười mà nói rằng *Đạo tồn khởi ngại cư sơn cốc, tâm tịnh hà phòng cận thị thành*, nghĩa là: Người tu hành chẳng phải lên non núi mà tu mới đặng, chỉ tại ngộ đạo, ngộ minh sư, chớ không cần ở núi. Tâm tịnh là con đường đạo tâm nó đặng thanh tịnh rồi, nào sợ gì ở chốn thị thành mà tu không được. Phàm người tu hành chẳng phải lên núi mới tu, ở thế tu không đặng hay sao? Hễ người tu là tâm tu chẳng phải núi tu, bầy đặt mang gói lên núi ít ngày tuộc xuống, cũng xưng mình là thầy tu núi mới về. Nay Pháp Hải *Tác Phật dụng phật tánh, tác chúng sanh dụng chúng sanh tánh*, nghĩa là: Làm Phật phải dùng tánh ông Phật, còn làm chúng sanh phải dùng theo tánh chúng sanh.

Pháp Hải nghe Lục Tổ nói một hồi, mới yên lòng ở lại chùa mà tu. Người này làm chường tử cho Lục Tổ, ngài tu đến sau cũng thành một vị Viên giác.

Bây giờ đây Lục Tổ thuyết pháp cho tứ chúng nghe, ngài nhắc lại hồi thuở mới đi tu, nhiều việc khổ ách, đã mấy phen Thần Tú sai người theo mà

giết, thật là cái hạnh người tu hành phải vậy, phải chịu cho trăm cay ngàn đắng mà không đổi dời tâm chí mới đặng, vì sắc thân của người đây là chúng sanh, mà mình muốn làm cho đặng một vị pháp thân mình phải đòi mài trau chùi nó lại gọi là tu, mình tu đây là mình vì cái sắc thân của mình, nó hay đau hay già, hay chết, vì vậy mới đi tu; tu đặng giải thoát đặng thành một vị vô sanh bất diệt đó là tu. Nhưng người tu phải tầm chỗ thanh tịnh mà ngồi, thì đạo trong mình mới phát sanh ra, cho nên nói đạo là nghi tịnh, hễ tịnh mới thấy đạo.

Hãy nghe bài kệ đây:

*Dốc tới Bồ Đề trước khổ tâm,
Ngàn dặm xa xuôi khó cũng tâm,
Xuống biển kiếm vàng nào sợ nhọc,
Lên non hái thuốc dưỡng đạo tâm.*

Lục Tổ nghe kệ rồi, có người ở đất Tin Châu tên Trí Thường nghe đồn Lục Tổ dạy đạo đến mà học, khi vào ra mắt ngài nhằm lúc ngài đang thuyết pháp. Lục Tổ kêu tứ chúng mà nói: Nay chư vị có biết làm sao trong tam giáo xưa nay đều lập cửa đạo dạy cho người đặng học làm Thánh, làm Tiên, sao mà không thấy một người thành, chư vị biết không? Như đạo Khổng Tử nói *Nhơn nhơn khả dĩ thánh hiền*; đạo Thích nói *Phật dã chúng sanh đồng*; đạo Lão nói *Tiên nhơn đồng nhứt thể*. Đó Tam giáo nói người đều đặng làm Phật, Thánh, Tiên, phải tầm sư học đạo, học cho đủ tam thừa rồi ngồi tu cho đến tối thượng nhứt thừa mới đặng làm Phật. Ấy là lời của Phật nói như vậy, nhưng mà mình cũng có tâm sư học đạo thật, có học lếu lảo năm ba con số mà ông thầy chưa phân thế, rồi

mau trở về làm thầy đạo, thành ra *Manh dẫn quần manh*, là thầy đui dẫn học trò mù, làm chi thành Phật cho đặng! Cũng có thành là thành một đám lạc đường chớ thành con người cũng không đặng nữa. Muốn thành con người trở lại, phải sửa tâm tánh cho biết quân, sư, phụ; giữ cho trọn bốn phận làm người thì mới đặng làm người, bằng không biết vua, thầy, cha, thời làm người sao đặng? Đó là hạng làm người, còn hạng làm Tiên làm Phật khó lắm. Tứ chúng biết Phật, Thánh, Tiên, ra thế nào chưa? Hạng người muốn làm Thánh làm Tiên trước phải làm người cho tròn bốn phận rồi mới bước đến cửa Phật nhà Tiên; người ấy phải có đức hạnh đầy đủ lại thêm từ bi bác ái không sót một điều nào, mới đặng làm Phật, làm Thánh, làm Tiên, chớ có đâu dễ, tưởng đâu những hạng bội quân, phản thầy thành Phật đặng hay sao? Sợ làm người không rồi thành Phật sao đặng? Hãy nghe bài kệ này:

*Thánh, Phạm, Tiên, Phật, chẳng khác nào,
Tâm tánh hiền lành bước đến mau;
Nửa tiếng bội sư cùng phản đạo,
Ngàn năm như cá ở trong ao.*

Tăng Trí Thường nghe kệ rồi bèn ra mắt Tôn Sư, xin ngài mở lòng từ bi dạy đệ tử câu *Phật thuyết tam thừa, hựu ngôn tối thượng thừa*, đệ tử chưa hiểu nghĩa.

Lục Tổ nói *Pháp vô tứ thừa, nhơn tâm hữu sai đặng*, nghĩa là: Phép không có bốn thừa thì tại lòng người đời hay đời đời không chừng phải phân làm bốn thừa đặng chọn tâm chí người, nếu không vậy thượng hạ nan phân, biết đâu là cao thấp, ý là Phật ngài biết trước phân làm bốn thừa như vậy mà còn

tranh luận hơn thua; còn phải để một thừa thì ai làm thầy ai đặng? Ấy đã phân ra bốn thừa mà còn chưa biết mình là ai, lại cũng chưa biế

mình là đủ hay thiếu. Nay Trí Thường, để ta giải nghĩa tứ thừa cho mà nghe. *Kiến văn chuyển tụng thị tiểu thừa*, nghĩa là: Thấy chữ mà tụng ấy bực tiểu thừa. Bực này chưa có vào cửa pháp môn, chưa có dính trong con đường đạo chút nào; nếu có làm cho trọn lành, trọn phải thì bất quá *chuyển thế nhi hưởng hồng phước* đó mà thôi. *Ngộ pháp giải nghĩa thị trung thừa*, còn biết chữ mà giải nghĩa kinh, giải nghĩa sách ấy là bực trung thừa. Bực này để giải cho người để học để biết lời kinh lời sách nói, chớ cửa pháp môn cũng chưa vào đặng. Nếu có làm lành thời cũng đặng *chuyển thế nhi hưởng hồng phước* mà thôi. *Y pháp tu hành, thị đại thừa*, nương phép tu hành, bực này là bực đại thừa. Nếu đặng cái chánh pháp lo công phu đầy đủ, luyện thân luyện hình cho đặng thì mới vào bực tối thượng nhứt thừa, mới thành Tiên thành Phật. Không vậy còn làm bực đại thừa, mà không luyện thân, luyện hình bất hóa làm thanh linh thiện hóa chi quỉ, sách bực Tiên, Phật thì còn xa lắm. *Vạn pháp tận thống nhứt thiết bất nhiễm, ly chư tướng pháp, nhứt vô sở đắc danh vi tối thượng thừa*, nghĩa là: Muôn pháp đều thông cả thấy, các việc không nhiễm, lìa đặng các tướng (thình âm sắc tướng) đó là bực tối thượng nhứt thừa. Bực này là bực Phật không còn luân hồi nữa. Trong Ký Lệ Kinh có câu *Cố học Tiên Phật chi lưu, nhược độc dĩ luyện hình vi diệu, bất tri luyện thân vi yếu, sở vọng thanh linh diện hóa chi quỉ, hà khả giữ cao Tiên cao Phật ty chi*, nghĩa là: Người muốn học làm Tiên làm

Phật trước hết phải luyện thân và hình, đó là căn bản của nhà Phật; nếu thân hình không luyện, dẫu có cần tu đi nữa cũng làm bực thanh linh thiện hóa chi quỉ, sánh với bực Phật Tiên thì còn xa lắm. Phàm người tu hành luyện kỹ, luyện cho xuất thần, làm cho thần ra ngoài mình, nghĩa là xuất định, nhập định, phải làm cho thân ngoại hữu thân. Chỗ đó là Phật, chẳng phải tụng kinh giải nghĩa thành Phật đặng đâu. Phải dễ như vậy Phật mới thiếu gì. Phàm người tu hành phải biết chữ tu, mà tu cũng thành Phật được. Hãy nghe bài kệ đây:

*Chữ tu rèn tập luyện nên hình,
Phải ẩn non cao dưỡng tánh tình.
Muốn đặng vàng ròng lần đáy biển,
Há cần phép báu với thù linh.*

Lục Tổ lại nói: Đó là bực tối thượng nhưt thừa, ta đã giải nghĩa như vậy. Người tu hành chẳng phải vì ba bực đó mới thành Phật, thành là tại tâm chí chẳng phải tại bực tam thừa đó mà tranh luận. Người mà tâm chí không có, dẫu có học hai chục thừa cũng không ích gì.

Lục Tổ nói đến đây rồi bãi tứ chúng trở lại hậu đường mà nghĩ.

Đây nói về nhà Đường, hiệu Thần Long ngươn niên, chánh ngoạt thập ngũ nhưt, Võ Tắc Thiên Hoàng Đế truyền chỉ cho thỉnh Huệ Năng, Thần Tú nhị vị thiền sư vào đến cung đường thuyết pháp. Khi Thần Tú đặng chiếu liền cáo bịnh không đi

lại chỉ sứ bảo: "Qua rước Huệ Năng ở phía Nam; người này đặng lời bí pháp và đặng Y Bát của Ngũ Tổ truyền, người hãy qua đó mà rước." Tiết Giảng thấy Thần Tú không khứng đi nên trở qua chùa Bửu Lâm Tự ra mắt Lục Tổ. Ngài thấy chiếu cũng cáo bịnh không đi, và làm sớ hồi trào xin vua cho phép trốn đời ở chốn lục lâm mà tu hành. Tiết Giảng nói: "Tôi trộm nghe mấy vị thiền sư có nói *Dục đắc hội đạo tất tu tọa Thiền tập định, nhược bất nhơn tọa thiền tập định, nhi đắc giải thoát giả, vợi chi hữu giả?*, nghĩa là: Hễ người tu muốn cho hội đạo, phải lập tọa thiền nhập định, mà cầu cho giải thoát, chưa chừng có vậy phải không, xin Tôn Sư dạy bảo?" Lục Tổ nói *Đạo do tâm ngộ, khởi tại tham thiền*, đạo là tại tâm ngộ há tại tham thiền hay sao? Nếu muốn tham thiền thì trước phải ngộ đạo và đặng lời tương truyền rồi ngồi tham thiền mới được, bằng không ngộ đạo mà ngồi tham thiền thì ngồi ngủ gục mà chơi cho mỗi cổ mỗi lưng chớ có ích gì. Có câu *Đạo tại kỳ bất cầu tha đắc*, nghĩa là: Đạo tại trong mình của mình chẳng phải ở đâu mà đi kiếm; phàm người tu phải tập tham thiền nhập định, trong đó có bốn bực... hành, trụ, tọa, ngọa, cho đủ phép đi, đứng, nằm, ngồi. Phép tu thì không có giờ khắc nào lìa đạo, nên có câu *Niệm niệm vô đan* đó là tu chẳng phải tọa thiền mới hội đạo, còn mấy giờ không tọa thiền thì để cái tâm làm chi mà không hội đạo? Người nghe trong kinh Kim Cang có câu *Nhược ngôn Như Lai nhược tọa nhược ngọa*. Lời nói đức Như Lai, bằng ngồi thiền, nằm thiền, lại nói vô sanh vô diệt. *Thị Như Lai thanh tịnh thiền, chư pháp vô tịch, thị Như Lai thanh tịnh tọa*. Đó là tọa thiền tập định, chỗ đó là đầu bài, chỗ làm

Phật làm Tiên. Chữ tọa thiền là thanh tịnh tọa, thanh tịnh thiền, như đức Như Lai mới gọi là tọa thiền tập định, chớ thiền định ở đâu giữa ngoài phồn ba mà gọi là định; định cái gì mà bày đặt cho mang tiếng ông Phật tọa là đã định; cái mặt làm bộ định, cái miệng nói định còn cái tâm nó đánh đùng đùng mà định sao đặng.

Tiết Giảng nghe Lục Tổ nói một hồi lại bạch rằng: Đệ tử đến rước Tôn Sư, nay Tôn Sư không đi, đệ tử phải về trào, nếu Linh Muôn Năm có hỏi, đệ tử chẳng biết lấy chi mà dạy trong cung và thuyết pháp cho Hoàng Đế nghe. Xin Tôn Sư dạy đệ tử học đạo cũng như Tôn Sư cho đệ tử một cây đèn đem về đốt ra đặng muôn ngàn cây, thì sáng biết là đường nào.

Lục Tổ nói *Đạo vô minh ám, đạo mà sáng tối gì!*

Tiết Giảng lại hỏi: "Bạch Tôn Sư, đệ tử có thấy mỗi đơn kinh đều có nói muốn tu thành Phật thì dễ lắm, mà tại làm sao xưa nay những người tu hành thì nhiều mà không thấy một ai thành Phật? Nói như vậy có đáng tin kinh sách hay không?"

Lục Tổ nói: Tu làm sao mà dễ, lấy cái gì làm tin?

Tiết Giảng thưa rằng: "Trong Qui Ngươn có câu *Nhứt cú Di Đà vô biệt niệm, bất lao đàng chỉ đạo Tây Phương*. Đó nói như vậy mà không để còn chỗ nào dễ hơn? Như vậy hễ người tu niệm một câu Nam Mô A Di Đà chẳng nhọc khải móng tay cũng về đến Tây Phương, vì làm sao tôi thấy nhiều người niệm Nam Mô A Di Đà Phật đến chết thôi, không thấy ai đi về Tây Phương một lần coi thử? Trong kinh nói như vậy đáng tin hay không?"

Lục Tổ nói... Người dốt quá; *Thánh ý u thâm phạm tâm nan trắc*, nghĩa là: Ý của ông Thánh cao xa, bực phạm tâm lường sao được. Nay Tiết Giảng người không có biết người đời chấp mê lắm, vì hễ biết ba chữ tụng kinh đọc sách thì chấp kinh chấp sách, nghe nói thì tin, không xét phải quấy; hễ nghe nói dễ xúm nhau đi niệm, không biết chữ niệm là gì, cũng làm bướng, cứ niệm Nam Mô Phật, Nam Mô Phật, niệm như vậy có ích gì không? Thiệt dốt quá, vậy mà xưng là vương sư, có quý sư thì phải; chớ vương sư đâu mà dốt như vậy. Nay Tiết Giảng, có câu nhứt cú Di Đà không phải câu Nam Mô Di Đà đâu. Câu đó là khi ông Di Đà thành Phật rồi, nên mới có câu Nam Mô A Di Đà Phật. Nếu mình muốn niệm câu đó, phải biết ông Di Đà là ai? Ông cũng là phạm tục như mình rồi ông làm sao mà thành Phật, là vì ông ngó thấy đời... sanh khổ, lão khổ, bịnh khổ, tử khổ, rồi luân hồi cũng khổ, vì vậy nên ông lánh mình đi tu cho khỏi tứ khổ. Đó là Đức Di Đà mới ra đi tu đặng tránh sự chết, đặng cho bất sanh, bất diệt; còn thầy tu đời nay, tu thì trông cho mau chết, vậy thì khác hẳn với ông Phật tu mà không cầu cho giải thoát, thì tu cái gì? Nay Tiết Giảng, người muốn tu mà đặng thành Phật như ông A Di Đà, sống cho đặng vô lượng thọ, thì phải tu theo cách của ngài. (Chỗ này đọc giả thấy không? Ông A Di Đà sống vô lượng thọ, đó là bất tử, để đọc giả nghe nói tu không chết rồi cho rằng không có, vậy chớ chữ bất sanh bất diệt là gì? Tu mà không biết chữ bất sanh bất diệt thì đừng tu, hễ nghe nói tu không chết thì đọc giả không đủ tin, coi như ông Phật A Di Đà đó sức ngài sống là bao nhiêu? Đọc sách mà không biết

nghĩa, hễ không tu thì thôi, còn tu lại hối cho mau chết đặng thành ma, chớ làm gì thành Phật, như vậy thì khác hẳn với ông Phật. Đọc giả thấy Phật chết không? Ngài có chết là chết cái sắc thân của Ngài, vì Ngài đã có luyện sẵn một cái Kim Thân ngài làm thân ngoại hữu thân, khi đến ngày có đơn thư lai triệu, thì Ngài bỏ cái sắc thân; Ngài biết trước được ngài tịch diệt thì hào quang chiếu sáng khắp trời, mây lành muôn đạo. Ngày tịch diệt của Ngài đều khác hẳn với người phàm tục, như vậy mới là thành Phật, đó gọi là bất diệt bất sanh. Vậy giờ đây ai muốn tu cho thành Phật như ông A Di Đà thì phải biết câu hỏi ông mới đi tu, ông niệm làm sao mà thành Phật, thì phải niệm cho trúng câu ông niệm đó, chẳng nhọc khải móng tay cũng về tới Tây Phương. Lời kinh sách thì nói kỹ như vậy, cũng vì cái bịnh cố chấp của người không cần tầm minh sư mà học hỏi, ý mình biết coi sách làm bước giải bùa, rồi trở lại mà chê sách không nhằm, chẳng ngờ sách nói một nơi mình làm một ngã, hiểu nhằm sao đặng? Còn câu *Vô biệt niệm* chữ vô biệt là ngày đêm không phân, giờ khắc nào cũng không lìa, chẳng nhọc khải móng tay cũng về đến Tây Phương. Còn niệm Nam Mô A Di Đà Phật, câu này là đức A Di Đà đã thành Phật rồi, khi ngài đắc đạo tính trở lại phổ độ chúng sanh; lúc ngài thuyết pháp nói kinh, thì ngài nói những việc dĩ vãng vị lai hay lắm; vì ngài đã đặng lục thông, ngài nói đâu thì có đó, nên thiên hạ đồn nói ông A Di Đà đã thành Phật, người người đều đến, kẻ thì xin qui y, người lại xin học đạo, vì vậy mới có tiếng Nam Mô Phật. Tiếng ấy là của Tây Vực. Tàu giải nghĩa là qui y. *Phật* là tiếng Tây Vực, Tàu giải

nghĩa là *Thánh nhơn*. Mới có câu Nam Mô A Di Đà Phật, là tôi qui y với ông A Di Đà. Nay mình nói lại như vậy có ích cho mình chút nào không? Lại bày đặt nói niệm câu Nam Mô A Di Đà Phật chẳng nhọc khải móng tay cũng về Tây Phương, niệm cho đến chết thì về dưới đất; chớ Tây Phương đâu mà về! Lầm tin quá, lầm nghe quá! Miệng nói mà lỗ tai đâu không nghe, con mắt đâu không nhìn, phải thiệt có như vậy thời chín mươi sáu ức chơn linh đâu còn lăn lộn cõi diêm phù này! Thiệt là mê. Hãy nghe bài kệ đây:

*Học lần hai chữ Giác cùng Mê,
Tỉnh giác rồi mau đặng trở về;
Ngàn kiếp luân hồi vì cố chấp,
Muôn năm lặn hụp chốn biển mê.*

Tiết Giảng lại bạch rằng: "Xin Sư Phụ từ bi dạy đệ tử một câu lục tự Di Đà; đệ tử về trào dạy trong cung tu hành, nếu đặng giải thoát, thì ơn Tôn Sư con không dám quên."

Lục Tổ nghe nói cũng thương mà dạy: Này Tiết Giảng, đạo chẳng phải dễ, ta dạy cho người về lo tu hành. Vậy hãy ngồi lại gần đây, tu thì phải niệm như vậy, như vậy... đó biết chưa? Ngồi kiết già tay phải bắt ấn tam muội rồi khởi sự niệm? Đức A Di Đà nhờ sáu chữ này mà thành Phật; phải nhớ cho kỹ đa; ngồi một phút đến hai chục phút, còn nếu ăn chay mà không biết hành đạo, thời nước da phải vàng như người chanh nước. Này Tiết Giảng, trong Đạo Đức Kinh có nói *Đạo tuy hoằng, phi kỳ thời bất giáo, đạo tuy hoằng, phi kỳ nhơn bất truyền*, nghĩa là: Đạo tuy hoằng khai rồi nhưng mà chưa đến thời kỳ chẳng dạy; đạo tuy hoằng khai rồi, chẳng phải người chẳng truyền.

Nay ta truyền cho người, phải nhớ mà niệm y như vậy thì tâm đặng nó phát hiện; chớ niệm ngoài miệng, ngoài môi dầu có niệm muôn năm cũng không ích, hiểu rành chưa? Ví dụ: Bây giờ đây mình cầm cây sắt mà mài trên cục đá, trong tâm mình tưởng *tôi mài cây sắt mà thành một cây kim*, tưởng như vậy, chịu khó ngồi mài, không bao lâu sẽ thành ra một cây kim mà dùng. Bằng không tin lời ta nói, phải thử như vậy thời biết, mình cũng lấy một khúc sắt đem về để trên bàn đốt nhau mà lạy, rồi quì xuống đó niệm Nam Mô A Di Đà Phật, niệm thử một muôn năm coi khúc sắt có thành cây kim hay không? Nên trong kinh có câu *Năng thuyết bất hành, bất như bất thuyết*, nghĩa là: Hay nói mà chẳng làm, chi bằng chẳng nói. Nói mà chẳng làm, dầu có nói muôn năm cũng không rồi việc. Thôi hãy nghe bài kệ đây:

Tây cầm đuốc huệ dấm đầu phở,

Cuộc thế quen rồi chữ Nam Mô:

Nếu có lời vàng xin giải quyết,

Ngặt mình lánh tục dấm nào phở.

Tiết Giảng quì lạy xin trở về trào phục chỉ.

Đây nói về Tiết Giảng trở lại trào ca vào ra mắt Võ Tắc Thiên.

Võ Hậu nói: "Người đi rước Huệ Năng sao lâu như vậy?"

Tiết Giảng quì lạy, tâu các việc cho Võ Tắc Thiên nghe. Võ Tắc Thiên cả mừng, mới truyền chỉ cho người đem dâng cho Lục Tổ một cái áo ca sa và một cái mâm bằng thủy tinh, và sai quan Ngự Sử đến sửa chùa Bửu Lâm lại. Rồi sai người đến đất Tân Châu lập một cảnh chùa đặt tên là Quốc Ân Tự.

Lúc này Lục Tổ kêu hết các đệ tử đến mà dặn rằng: "Này Pháp Đạt, Pháp Hải, Trí Thường! Từ ta tịch diệt đến sau các người phải giữ phép tu hành, nếu có người nào đến hỏi và học đạo, các người có thuyết pháp chẳng nên lìa bốn tánh; *Bất ly bốn tông*, chẳng nên chế tạo thêm bớt mà làm mất cái tôn giáo nhà Phật đi. Hễ làm như vậy thì không có nên. Có câu *Nhứt thuyết chư pháp, bất ly tự tánh*, dầu có thuyết các pháp cũng không nên lìa bốn tánh của mình."

Lúc này Lục Tổ tính trở về đất Tân Châu, nhằm hiệu vua Diêu Hòa năm Nhâm Tý tháng bảy, ngài dạy các học trò xây tháp tại chùa Quốc Ân. Đến tháng bảy năm Quý Sửu, hội tứ chúng, đặng thương nghị. Lục Tổ nói: Từ đây đến tháng mười một ta sẽ lìa khỏi chốn thế gian, vậy hãy nghe bài kệ này:

Từ cách Thiên Đường xuống cõi trần,

Mấy phen tai nạn chẳng nài thân;

Nay phải trở về nơi Cực Lạc,

Một phút chia phui chẳng đặng gần.

Lục Tổ kệ rồi lại nói: "Các người còn hồ nghi chỗ nào phải hỏi đặng ta chỉ lại cho, để khi ta tịch diệt rồi sau không người dạy dỗ."

Pháp Đạt và các vị môn đồ nghe vậy đều khóc, duy có Thần Hội cái thần tình không động nên không khóc.

Lục Tổ nói: "Thần Hội là người đủ lạnh, đặng như vậy mới gọi là tu; phàm người tu hành thấy chê khen đừng động, thương vui chẳng sanh, đặng như vậy mới phải. Vậy mấy người ở chùa đã mấy năm mà tu cái gì ở đâu? Tu mà còn khóc, còn bi lụy, vậy chớ chữ cất ái là nghĩa gì? Người tu hành phải bỏ chữ bi

hoan, ưu khủng, mới gọi là người tu; tu làm sao nước mắt một bên khoe, vậy mà tu cái gì? Các người không coi xưa nay có ông Phật nào biết khóc hay không; cái khóc đó là chúng sanh. Phàm người tu trước hết phải học chữ cắt ái, là cắt bỏ cái thương; chữ ly gia lìa nhà; hễ mình lìa nhà thành ra cái nhà không chủ, không ai sửa soạn, nó phải hư; nay mình lại trở về cái nhà hư rồi, về mà làm gì; về ngó thấy như vậy thì động lòng, hễ động lòng rồi tu sao đặng? Thiệt tu hành không biết chữ ly gia cắt ái mà cũng đi tu, tu hỏi cho mau chết chớ tu cái gì!"

Lục Tổ kêu tứ chúng và các môn đồ mà nói: Các người theo ta hơn bốn chục năm, kẻ qui y người học đạo, các người trông nhờ ta dìu dắt thì ý của các người muốn cho ta thành chánh giác đặng độ các người khỏi biển trầm luân, nay các người có biết ta từ đây, rồi về đâu hay không? Nay là ngày mừng một, tháng bảy, năm Quý Sửu, ta biết ta đến tháng mười một sẽ tịch diệt. Khi ta tịch diệt rồi tới sáu năm sau sẽ có người đến cắt đầu ta, ấy là ngày ta trở về quê xưa, mà các người không mừng sao lại khóc? Phải chi ta là thầy của các người, đến lúc thác mà không biết ngày vắng sanh, các người khóc cũng phải, hễ khóc rồi mau đi tìm đường khác mà đi cho đặng giải thoát mới là phải, có lẽ đâu chấp mê như vậy? Thầy mình đã không biết ngày vắng sanh mà mình bo bo nào khóc nào để tang. Bây giờ khóc để tang cho thầy mình không bao lâu đây mình sẽ gặp quỷ vô thường, chừng đó ai khóc cho mình và để tang cho mình? Thiệt cố chấp quá. Còn ta đây biết ngày vắng sanh, ấy là ta liễu đạo, vậy các người đáng vui mừng, chớ các người

khóc làm chi!

Thôi hãy nghe bài kệ đây:

*Phủi rồi cái khổ mấy chục năm,
Từ bấy bay qua khỏi biển trầm (1);
Nửa khắc lên thuyền vào Bỉ ngạn,
Muôn đời tự toại chốn Lô Âm.*

Lục Tổ nói: Từ ta tịch diệt rồi, các người không đặng cho người điếu tang tế lễ và bi lụy; nếu có làm như vậy thì các người không phải đệ tử của ta. Phàm người tu hành *Du kỳ tâm táng chi nhi dĩ*, hễ người tu muốn để tang và tế lễ thì lấy cái tâm mà để tang mới phải. Thôi từ ta tịch diệt đến sau các người không đặng trái lời. Vậy hãy nghe bài kệ đây:

*Thôi rồi một phút cách từ đây,
Xa nghe tiếng hạc ó vang vầy;
Các người tua khá gìn đạo cả,
Bây giờ phải chịu cách nhau đây.*

Lục Tổ kệ rồi ngài tọa thiền, ngồi đến canh ba, ngài ngâm bài kệ mà về Tây Phương.

Kệ rằng:

*Thình thoảng mùi hương chất ngất nhà,
Im lìm hơi thở chẳng vào ra;
Móng trắng phủ che cây lá bạc,
Màu vàng lổ xố rất nguy nga.
Cầm thú bốn bề la in òi,
Quan dân tám phía khóc chan hòa;
Sáu năm đầu phải về tay khách,
Ba bữa hào quang chiếu sáng lò.*

Khi ngài kệ rồi thì cái sắc thân biến vô trong tháp hào quang chiếu sáng khắp trời, tiếng hạc bay kêu dậy đất, hơi thơm ngào ngạt; cầm thú kêu la,

quan dân than thở, bốn phương tám hướng đều đến cúng dường, người người đồng kính phục. Ngài hưởng thọ được 76 tuổi.

Người viết sách có tặng cho Lục Tổ bài kệ như vầy:

*Trời êm mây án tối vừng cao,
Cõi Phật mười phương dễ biết nào;
Ý muốn tiêu diêu cho tự tại,
Công phu luyện kỹ đặng ngôi cao;
Hết sức ra tay dìu tứ chúng,
Khai bờ tháo nước thả cá ao.*

Ghi Chú:

(1) Biển trầm luân.

PHỤ LỤC TIẾP THEO QUYỂN THÍCH GIA CHƠN GIẢI CAO MINH THIỀN SƯ

Đây nhắc lại từ ngày Huệ Năng đặng pháp thầy truyền, rồi tạ ơn thầy ra đi, Thần Tú hay đặng sai Trần Huệ Minh và năm trăm tăng nhor theo bắt Huệ Năng. Huệ Năng vừa chạy vừa than thật cái hạnh người tu hành mà còn phải chịu trăm cay ngàn đắng như vầy. Trong cơn nguy hiểm thật cũng may, Huệ Năng chạy vào rừng lại gặp bọn thợ săn, vào ở chung với bọn thợ săn, những kỳ thốt ở trong khu vực kế cận đó. Từ đây đã yên thân, nên Huệ Năng lo việc tu hành, bây giờ sắp ngòì hạ thừa một trăm ngày rồi ngòì luôn trung thừa một trăm ngày, nhưng trong mình chẳng thấy chi lạ, rồi Huệ Năng sắp ngòì thượng thừa. Từ một ngày đến bảy ngày kêu là: Thất nhựt thể dương tinh, làm đại châu thiên, chỗ này kêu là hái thuốc nấu đơn, đến một trăm ngày. Bây giờ không hành đạo nữa ngòì ôn dưỡng, đây là con số mười ba đến mười tháng kêu là: thập ngoạt ngoài thai. Người học đạo đến đây, không đặng cho anh nhi ra ngoài anh nhi còn nhỏ không đặng vời lên thượng đơn điền, nếu cho đi gặp không biết đường về, chỗ này là nguy hiểm, phải ngòì ôn dưỡng đến ba năm, đó là tam niên nhũ bộ, mới dám đi anh nhi lên thượng đơn điền, mới dám xuất định. Chỗ này là thân ngoại hữu thân, đến đây lục thông đã hiện, biết việc

ngoài mình, bởi vậy trong kinh có nói *Tây thiên tuy viễn vãng phân hà nan*, nghĩa là: Đường đây qua Tây thiên tuy là xa mà người tu hành đắc đạo rồi qua lại rất dễ.

Huệ Năng là một người con chí hiếu, ra đi tu để mẹ ở nhà một mình cũng nhớ Nhị Tổ cho mười quan tiền, để mười quan tiền lại cho mẹ, tính trong mười quan tiền ăn không bao lâu sẽ hết, thật là quý báu thay. Bà Lý Thị ở nhà cũng ăn no mặc ấm như thường, hễ xài hết mười quan tiền này, thì có mười quan tiền khác ở trên đầu giường. Bà Lý Thị lấy làm lạ nhưng không dám nói với ai, còn hiện bây giờ Huệ Năng đạo đã thành, khi nhớ mẹ thì phân thân về thăm mẹ, nghĩa là: "xuất hồn" về thấy mẹ mạnh giỏi, cho nên an tâm ngồi thêm cho đủ chín năm, nghĩa là: Cửu niên diện bích. Khi Huệ Năng đi tu bà Lý Thị tuổi đã đặng 89, nay tính lại bà Lý Thị tuổi đã quá trăm, nhưng bà vẫn khỏe mạnh như thường. Bây giờ Huệ Năng tính trở về nhà nuôi mẹ và phổ hóa nhơn sanh, từ ngày ra đi tu đến nay tính lại là mười ba năm. Bây giờ bọn thợ săn mới hỏi Huệ Năng hỏi nào anh ở gần một bên với chúng tôi không thấy anh ăn thịt cá chi, mà lại cũng không bàn luận việc đời. Huệ Năng nghe hỏi bèn trả lời: Nè chư vị, tôi đây cũng như chư vị vậy, cũng biết ăn cho ngon, mặc cho ấm, tôi cũng biết mừng, giận, thương, vui như chư vị; nhưng có khác một tí, tôi là người xuất gia tu hành dẹp bỏ lợi danh không muốn nhiễm màu trần tục, không nở sát sanh hại vật vì loài người loài vật cũng đồng tham sanh úy tử, loài vật nó nghe ai bắt nó, cũng biết chạy trốn, nó cũng biết sợ đau, sợ chết như

người nhưng chẳng biết nói tiếng người mà thôi, nếu mình rước bắt nó mà ăn thịt đó là mạnh hiếp yếu, khôn hiếp dại, bởi vậy tôi không nở, như chư vị có biết mình sanh tại cõi Diêm phù này có đặng thành thoi vui vẻ đời đời hay không? Không! Có lẽ chư vị có nghe trong kinh nói *Nhơn sanh bá tế như xuân mộng*, nghĩa là: *Người sanh ra có hạn 100 tuổi chẳng khác chi giấc chiêm bao*, trong đêm mùa xuân, có khác chi bóng phù dung sớm nở tối tàn đâu có bền chắc đặng. Lại có câu *Ly hiệp bi quan tợ hí vãn*, nghĩa là: *Lìa hiệp buồn vui chẳng khác chi trò hát trên sân khấu*, chúng ta đây là kếp hát của đức tạo hóa, mỗi đêm mỗi ngày đều phải làm tuồng vẽ mặt lên sân khấu, nào là quan, nào là hề, nào là tướng rớt cuộc rồi có chi đâu lạ, cũng phải gập tay quỉ vô thường đến dất, chư vị thấy chưa, *vạn ban đô thị giả*. Các việc ở trên cõi trần tục này đều giả hết, bởi vậy tôi không vì xác thân này làm cho nó no ấm, cũng không vì hai chữ lợi danh, tôi sợ sẽ lặn hụp trong biển sanh tử, luân hồi trong bánh xe lục đạo đời đời kiếp kiếp không có ích gì. Bởi trong kinh có câu *Tùng tiên ân ân ái đáo đề thành không*, nghĩa là: *Theo việc trước mắt cuộc ân ái là thương mến nào là chồng chồng, vợ vợ, con lành cháu thảo, rớt cuộc rồi cũng nắm hai bàn tay không mà đi. Hỏi đi đâu? Đi ngay xuống Diêm Vương đặng chịu quả báo rồi luân hồi. Lại có câu *Vạn cổ anh hùng đương kim hà tại*, nghĩa là: *Muôn năm xưa cho đến ngày nay tính lại biết bao nhiêu anh hùng, hỏi còn ai không? Không! Bởi vậy tôi không vì xác thân này ăn no mặc ấm, dầu mình nuôi nó cao cả đi nữa không bao lâu phải gập tay quỉ vô thường, thì xác thân giả tạm này sẽ làm phân cho cỏ, bởi vậy tôi đây mới đi tu.**

Chữ tu nghĩa là sửa, hỏi sửa cái gì? Là sửa cái bốn tánh. Hỏi bốn tánh tại sao mà sửa? Trước kia tánh bốn thiện, tánh ở trong gốc lành mà ra, lớn lên mắt thấy đời khí bầm sớ câu vật dục sớ tế, che bốn tánh làm cho bốn tánh mờ tối quên con đường lành theo con đường dữ. Chữ tu nghĩa là trau dồi. Hỏi trau dồi cái gì? Trau dồi cái tâm, rồi diệt cái tâm phàm, diệt cái tâm vật dục, làm cho như tâm tử, chừng đó con đường đạo tâm mở ra sáng suốt, mới thành một vị kim thân. Bởi vậy trong kinh nói *Thử thân chi ngoại tác hữu chơn thân*, nghĩa là: *Cái xác thân ta là giả, ngoài cái xác thân ta có một cái chơn thân*. Cái chơn thân này biết cách mở chìa khóa cho nó buông cái xác thân giả, cái chơn thân nó hiện ra ngoài, tùy theo sức học, tùy theo sức tu, tùy theo sức công đức, nó có ba cái chơn thân, một là pháp thân, hai là báo thân, ba là kim thân; công đức đầy đủ thì đặng kim thân, chỗ này là do tại mình, đặng như vậy chẳng còn ghé bến sanh tử nữa.

Ví dụ: Cái chơn thân làm chủ cái xác thân không khác chi anh xếp phơ, cầm tay bánh xe hơi, muốn mở máy cho chạy hay là muốn ngừng cũng đều do tay anh xếp phơ. Còn cái chơn thân bao trùm cái xác thân, nó muốn cho cái xác thân động phải động, tịnh phải tịnh. Đến ngày cái xác thân hoại thì cái chơn thân nó buông cái xác thân, cũng như xe hơi hư anh xếp phơ phải bỏ. Bởi vậy người tu hành ta sửa cái xác thân cho tráng kiện, rồi tập mở chìa khóa cho cái chơn thân buông cái xác thân ra ngoài, thời cái xác thân nằm một chỗ hơi hóp không cục cựa, đến lúc chơn thân trở về, thời xác thân khỏe mạnh như thường, chỗ này kêu là "xuất định nhập định" rồi ta

đặng tiêu diêu thiên ngoại. Đến đây ta trở lại cứu cứu huyền thất tổ và diu dắt nhưn sanh vào cảnh bất diệt. Nghĩa là sống bằng trời đất. Hỏi có quý báu không? Còn chư vị đây quanh năm cuối tháng, lo săn con thú này bắt con thịt kia về ăn cho ú mập, đó là, tạo địa ngục luân hồi đời đời kiếp kiếp như vậy có đáng tiếc hay không. Huệ Năng nói đến đây mấy người thợ săn đồng qui lạ, xin theo học đạo và tu hành không màn việc săn bắn nữa.

Bây giờ Huệ Năng dắt bọn thợ săn đi đến quận Thiều Châu có ngâm bài kệ như vầy:

*Bốn phận làm người thật khổ mà,
Đành lòng lìa mẹ với xa nhà.
Ba ngàn ngày lễ công viên mãn,
Muôn kiếp tiêu diêu cõi Ta bà.
Tư đầy ra tay diu tứ chúng,
Chẳng còn lo sợ chúa Diêm la.
Lôi âm mau kiếp về ngôi cũ,
Sớm tối ra vào viếng Thích Ca.*

Kệ rồi, ngài thuyết pháp đem những việc tu hành và chỉ cho người ta nghe nào là sanh khổ bịnh khổ lão khổ, tử khổ, mà đem giảng giải trong tứ khổ, làm cho mọi người đều hồi tâm hướng thiện. Bởi vậy ngài đi đến đâu ai cũng đều kính mến, rồi ngài qua xứ Tào Khê ở đó thuyết pháp và nói kinh, thiên hạ theo học đạo kẻ thì qui y, người cầu pháp. Bây giờ Huệ Năng tính trở về nhà thăm mẹ, khi về đến nhà, bà Lý Thị thấy con khác hơn ngày ở nhà, những lời nói và cử chỉ hiền lương, dung nhan tốt đẹp khác thường, bà lấy là vui mừng không xiết. Quý hiền có thấy không, hình dung của đức Thích Ca, chụp hình

từ ngày đắc đạo trở về coi dung nhan tuấn tú khác người phàm tục, còn Lục Tổ đây kêu đức Thích Ca là sư ông, mà ngài từ ngày đi tu ngài tầm lên non cao núi thẳm, đói thì hái rau ăn, khát nước uống nước suối, ăn trái cây rừng, chớ đâu có bữa sữa mà ăn, và khi về đến nhà, người mẹ thấy con dung nhan tốt đẹp khác hơn người phàm tục quý hiền có thấy chưa? Ôi! Tu làm sao, ăn chay ít bữa cái mặt xanh lét mình ốm gầy gò coi bộ quỷ vô thường đứng kế một bên, vậy mà tu cái gì, tu hồi cho mau chết đặng thành ma thật đáng tiếc. Bây giờ thiên hạ đồn tin ấy khắp trong nước Trung Quốc, bởi vậy ai ai cũng đều tới nghe thuyết pháp và nói kinh, rồi ở lại đó tu hành như kẻ giàu thì ra tiền người nghèo làm công quả cất lên một ngôi chùa đặt tên là Bửu Lâm Tự. Người học đạo và tu hành đặng thành chánh quả bất kể kỳ số, cho nên người người đều tặng cho là Bửu Lâm, nghĩa là Rừng Báu, người đắc đạo cũng như cây trong rừng, không có đếm cho hết. Đến đây Huệ Năng làm được chức luật sư mới gọi là Lục Tổ là một vị tổ thứ sáu trong nước Trung Quốc. Đoạn này là Tam Tạng kinh Đường Tăng nhắc lại, còn Pháp Bửu Đàn kinh không có nói đến việc Lục Tổ trở về nuôi mẹ. Bởi vì Lục Tổ ra đời, nhằm hiệu Thần Long ngươn niên Vô Tắc Thiên Hoàng Đế, còn Đường Tăng, Tam Tạng phụng chỉ qua Tây Thiên thỉnh kinh chưa về nước. Đến chừng ngài về nước, thời câu chuyện Lục Tổ đã qua rồi, cho nên Đường Tăng Tam Tạng tìm lịch sử của Lục Tổ, biên vào Tam Tạng kinh, cuốn thứ nhì trương 22; bởi vậy đây đủ hơn trong Pháp Bửu Đàn kinh, mới đúng theo lời trong kinh nói *Hiếu tâm tức Phật*

tâm, hiếu hạnh tức Phật hạnh. Phương chi Huệ Năng là một người con chí hiếu, ra đi tu đã thành Phật mà không trở về nuôi mẹ làm sao thành Phật được. Hỏi đáng buồn hay không? Quý hiền thấy chưa, câu chuyện Lục Tổ tại người viết Pháp Bửu Đàn Kinh thiếu một chút mà người đời còn vạch lá tìm sâu. Đến ông Phật mà người đời tìm chỗ phải quấy phương chi những nhà tu hành chí sĩ, dẫu cho đến một vị cao tăng đại đức không bao giờ ai giữ cho trọn lành trọn phải. Ôi! Những người đã ăn trái mà quên kẻ trồng cây, quý hiền thấy chưa những người xuất gia tu hành hỏi mấy người ấy có cuốc đất trồng khoai môn ruộng hay không? Nhưng ăn cơm của Phật mà quên ơn ông Phật, hỏi thập phương ai đâu có đại khờ gì, nhưng người ta mếm oai đức của ông Phật, người ta mới đem tiền, bạc, cơm gạo cúng Phật, rồi ăn cho no không lo tu hành, mong gì thành Phật, thành một người thiếu nợ, kiếp sau làm trâu ngựa trở lại trả nợ đời đó là nhơn quả. Tôi đây là Cao Minh Thiên Sư thấy việc Lục Tổ như vậy đáng thương đáng tiếc chẳng nài khó nhọc gắng công tìm kiếm cho đủ kinh sách mới thấy trong Tam Tạng kinh chỉ rõ và kết luận lại, Lục Tổ có về nuôi mẹ đặng hai năm.

Đến ngày bà Lý Thị nhập tịch đến đây bà Lý Thị hưởng thọ được một trăm lẻ hai tuổi, khi ấy Lục Tổ biết mới kêu tăng đồ tín nữ trong Chùa Bửu Lâm mà nói: Mẹ ta đúng ngày rằm tháng giêng năm Canh Thìn, mười hai giờ khuya tịch diệt, thật đúng như lời đêm ấy hào quang chiếu sáng, cả trời Tiên Đòng Ngọc Nữ và Đơn Thơ đến rước bởi trong kinh có nói *Nhứt nhơn đắc đạo cứu huyền siêu thăng.* Thật đúng

lắm. Rồi không bao lâu Võ Tắc Thiên Hoang Đế sai Tiết Giảng qua rước Thần Tú về trào tụng kinh thuyết pháp Thần Tú cáo bệnh không đi mới chỉ Tiết Giảng qua hướng nam rước Lục Tổ. Đến đây trong Pháp Bửu Đàn Kinh có nói rồi, dấu có viết thêm vô nữa càng choán giấy.

*Nực cười thầy bói soi gương (1),
Thầy Tăng bắt chí, cá mương hóa rồng,
Bấy lâu cá biển hóa rồng
Ngày nay trở lại cá đồng hóa mưa.*

Ghi chú:

(1) Thầy bói là người đui.

CHUNG

NHÀ IN VÀ ĐÓNG SÁCH
"THẠNH MẬU"
NGUYỄN KIM KỶ
147 ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN HỌC
Điện thoại: 21548
(Ngã Năm) Gia Định